

CHỦ ĐỀ	MỨC ĐỘ CẦN ĐẠT	GHI CHÚ
2. Vùng Đồng bằng sông Hồng	Kiến thức - Nhận biết vị trí địa lí, giới hạn lãnh thổ và nêu ý nghĩa của chúng đối với việc phát triển kinh tế - xã hội. - Trình bày được đặc điểm tự nhiên, tài nguyên thiên nhiên của vùng và những thuận lợi, khó khăn đối với sự phát triển kinh tế - xã hội. - Trình bày được đặc điểm dân cư, xã hội và những thuận lợi, khó khăn đối với sự phát triển kinh tế - xã hội của vùng. - Trình bày được tình hình phát triển kinh tế. - Nêu được tên các trung tâm kinh tế lớn. - Nhận biết vị trí, giới hạn và vai trò của vùng kinh tế trọng điểm Bắc Bộ.	- Thuận lợi cho lưu thông, trao đổi với các vùng khác; đồng bằng châu thổ lớn thứ hai. - Đất phù sa màu mỡ, nguồn nước dồi dào, khí hậu nhiệt đới có mùa đông lạnh. Vai trò của sông Hồng. - Dân số đông, mật độ dân số cao nhất nước, nguồn lao động dồi dào, lao động có kỹ thuật, thị trường tiêu thụ rộng, sức ép của dân số đối với việc phát triển kinh tế - xã hội. - Nông nghiệp vẫn chiếm tỉ lệ cao trong cơ cấu GDP, công nghiệp và dịch vụ đang có chuyển biến tích cực. - Hai thành phố, trung tâm kinh tế lớn: Hà Nội, Hải Phòng. - Tam giác kinh tế mạnh: Hà Nội - Hải Phòng - Quảng Ninh.

CHỦ ĐỀ	MỨC ĐỘ CẦN ĐẠT	GHI CHÚ
	Kĩ năng - Xác định trên bản đồ vị trí, giới hạn của vùng Đồng Bằng sông Hồng và vùng kinh tế trọng điểm Bắc Bộ. - Phân tích biểu đồ, số liệu thống kê để thấy được đặc điểm tự nhiên, dân cư và sự phát triển kinh tế của vùng. - Sử dụng bản đồ tự nhiên, kinh tế để phân tích, thấy rõ sự phân bố tài nguyên và các ngành kinh tế của vùng.	
3. Vùng Bắc Trung Bộ	Kiến thức - Nhận biết vị trí địa lí, giới hạn lãnh thổ và nêu ý nghĩa của chúng đối với việc phát triển kinh tế - xã hội. - Trình bày được đặc điểm tự nhiên, tài nguyên thiên nhiên của vùng và những thuận lợi, khó khăn đối với phát triển kinh tế - xã hội. - Trình bày được đặc điểm dân cư, xã hội và những thuận lợi, khó khăn đối với sự phát triển của vùng.	- Hẹp ngang, là cầu nối giữa miền Bắc và miền Nam. - Thiên nhiên có sự phân hóa Bắc - Nam, Đông - Tây. Tài nguyên quan trọng: rừng, khoáng sản, du lịch, biển. Nhiều thiên tai: bão, lũ, hạn hán, gió nóng tây nam, cát lún; hậu quả chiến tranh. - Phân bố dân cư có sự khác nhau giữa phần phía Đông và phần phía Tây của vùng, lao động dôi dào, mức sống chưa cao; cơ sở vật chất - kĩ thuật còn yếu.

CHỦ ĐỀ	MỨC ĐỘ CẦN ĐẠT	GHI CHÚ
	- Trình bày được tình hình phát triển và phân bố một số ngành sản xuất chủ yếu: trồng rừng và cây công nghiệp, đánh bắt và nuôi trồng thủy sản; khai thác khoáng sản; dịch vụ du lịch. - Nêu được tên các trung tâm kinh tế lớn và chức năng chủ yếu của từng trung tâm. Kĩ năng - Xác định được vị trí, giới hạn của vùng trên bản đồ. - Sử dụng bản đồ tự nhiên, dân cư, kinh tế để phân tích và trình bày về đặc điểm tự nhiên, dân cư, phân bố một số ngành sản xuất của vùng Bắc Trung Bộ.	- Thâm canh lương thực, kết hợp nông - lâm - ngư nghiệp. - Thanh Hóa, Vinh, Huế.
4. Vùng Duyên hải Nam Trung Bộ	Kiến thức - Nhận biết vị trí địa lí, giới hạn lãnh thổ và nêu ý nghĩa của chúng đối với việc phát triển kinh tế - xã hội. - Trình bày được đặc điểm tự nhiên và tài nguyên tự nhiên của vùng; những thuận lợi và khó khăn của tự nhiên đối với phát triển kinh tế - xã hội.	- Hẹp ngang, cầu nối Bắc - Nam, nối Tây Nguyên với biển; thuận lợi cho lưu thông và trao đổi hàng hóa. Quần đảo Hoàng Sa và quần đảo Trường Sa. - Nhiều thiên tai (bão, hạn hán,...). Biển có nhiều hải sản, bãi biển đẹp thuận lợi cho du lịch, nhiều vũng vịnh để xây dựng cảng nước sâu: Đà Nẵng, Nha Trang,...

CHỦ ĐỀ	MỨC ĐỘ CẦN ĐẠT	GHI CHÚ
	- Trình bày được đặc điểm dân cư, xã hội: những thuận lợi và khó khăn của dân cư, xã hội đối với sự phát triển kinh tế - xã hội của vùng. - Trình bày được một số ngành kinh tế tiêu biểu của vùng: chăn nuôi bò, khai thác, nuôi trồng và chế biến thủy sản; du lịch, vận tải biển; cơ khí, chế biến lương thực, thực phẩm. - Nêu được tên các trung tâm kinh tế chính. - Nhận biết vị trí, giới hạn và vai trò của vùng kinh tế trọng điểm miền Trung. Kĩ năng - Xác định được vị trí, giới hạn của vùng trên bản đồ. - Phân tích số liệu thống kê, biểu đồ kinh tế, bản đồ tự nhiên, kinh tế để nhận biết đặc điểm tự nhiên, dân cư, kinh tế của vùng.	- Phân bố dân cư và hoạt động kinh tế có sự khác nhau giữa phần phía đông và phần phía tây; lao động dồi dào, giàu kinh nghiệm; nhiều địa điểm du lịch hấp dẫn: Phố cổ Hội An, Di tích Mỹ Sơn,... - Đà Nẵng, Quy Nhơn, Nha Trang.
5. Vùng Tây Nguyên	Kiến thức - Nhận biết vị trí địa lí, giới hạn lãnh thổ và nêu ý nghĩa của chúng đối với việc phát triển kinh tế - xã hội.	- Biên giới với Lào và Cam-pu-chia ở phía tây; vùng duy nhất không giáp biển; gần vùng Đông Nam Bộ có kinh tế phát triển, là

CHỦ ĐỀ	MỨC ĐỘ CẦN ĐẠT	GHI CHÚ
	- Trình bày được đặc điểm tự nhiên, tài nguyên thiên nhiên của vùng và những thuận lợi, khó khăn đối với phát triển kinh tế - xã hội. - Trình bày được đặc điểm dân cư, xã hội và những thuận lợi, khó khăn đối với sự phát triển của vùng. - Trình bày được tình hình phát triển và phân bố một số ngành kinh tế chủ yếu của vùng: sản xuất nông sản hàng hóa; khai thác và trồng rừng; phát triển thủy điện, du lịch. - Nêu các trung tâm kinh tế lớn với các chức năng chủ yếu của từng trung tâm. Kĩ năng - Xác định được vị trí, giới hạn của vùng trên bản đồ. - Phân tích bản đồ tự nhiên, dân cư, kinh tế và số liệu	thị trường tiêu thụ sản phẩm, có mối liên hệ bền chặt với Duyên hải Nam Trung Bộ. - Cao nguyên xếp tầng, đất đỏ ba dan; khí hậu cận xích đạo, mùa khô thiếu nước; diện tích rừng tự nhiên còn khá nhiều; trữ lượng bô xít lớn. - Thừa dân, thiếu lao động; các dân tộc ít người: Mnông, Ba-na, Ê-đê,... có những nét riêng về văn hóa; trình độ người lao động chưa cao. - Vùng chuyên canh cây công nghiệp: cà phê, cao su, hồ tiêu, chè, dâu tằm; phát triển du lịch sinh thái, văn hóa; thủy điện kết hợp bảo vệ môi trường tự nhiên. - Đà Lạt, Buôn Ma Thuột, Plây Ku.

CHỦ ĐỀ	MỨC ĐỘ CẦN ĐẠT	GHI CHÚ
	thống kê để biết đặc điểm tự nhiên, dân cư, tình hình phát triển và phân bố một số ngành sản xuất của vùng.	
6. Vùng Đông Nam Bộ	Kiến thức - Nhận biết vị trí địa lí, giới hạn lãnh thổ và nêu ý nghĩa của chúng đối với việc phát triển kinh tế - xã hội. - Trình bày được đặc điểm tự nhiên, tài nguyên thiên nhiên của vùng; những thuận lợi và khó khăn của chúng đối với phát triển kinh tế - xã hội. - Trình bày được đặc điểm dân cư, xã hội của vùng và tác động của chúng tới sự phát triển kinh tế của vùng. - Trình bày được đặc điểm phát triển kinh tế của vùng: công nghiệp và dịch vụ chiếm tỉ lệ cao trong cơ cấu GDP; công nghiệp có cơ cấu đa dạng với nhiều ngành quan trọng; sản xuất nông nghiệp chiếm tỉ trọng nhỏ nhưng giữ vai trò quan trọng.	- Thông thương qua cảng biển, thuận tiện cho giao lưu với các vùng xung quanh và với quốc tế. - Giàu tài nguyên để phát triển nông nghiệp, thủy sản, công nghiệp; nguy cơ ô nhiễm môi trường. Đất ba dạn; khí hậu cận xích đạo; biển nhiều hải sản, nhiều dầu khí ở thềm lục địa. - Nguồn lao động khá dồi dào, tay nghề cao, năng động, sáng tạo; thị trường tiêu thụ lớn. Thành phố Hồ Chí Minh đông dân nhất cả nước. - Khai thác dầu, khí; chế biến lương thực thực phẩm; cơ khí, điện tử. Vùng trọng điểm cây công nghiệp nhiệt đới: cao su, điều, cà phê.

CHỦ ĐỀ	MỨC ĐỘ CẦN ĐẠT	GHI CHÚ
	- Nêu được tên các trung tâm kinh tế lớn. - Nhận biết vị trí, giới hạn và vai trò của vùng kinh tế trọng điểm phía Nam. Kĩ năng - Xác định được vị trí, giới hạn của vùng trên bản đồ. - Phân tích bản đồ tự nhiên, dân cư, kinh tế và số liệu thống kê để biết đặc điểm tự nhiên, dân cư, tình hình phát triển và phân bố một số ngành sản xuất của vùng.	- Thành phố Hồ Chí Minh, Biên Hòa, Vũng Tàu.
7. Vùng Đồng bằng sông Cửu Long	Kiến thức - Nhận biết vị trí địa lí, giới hạn lãnh thổ và nêu ý nghĩa của chúng đối với việc phát triển kinh tế - xã hội. - Trình bày được đặc điểm tự nhiên, tài nguyên thiên nhiên của vùng và tác động của chúng đối với phát triển kinh tế - xã hội. - Trình bày được đặc điểm dân cư, xã hội và tác động của chúng tới sự phát triển kinh tế của vùng.	- Thuận tiện cho giao lưu trên đất liền và biển, giao lưu với các vùng xung quanh và với quốc tế. - Giàu tài nguyên để phát triển nông nghiệp: đồng bằng rộng, đất phù sa châu thổ, khí hậu nóng ẩm, nguồn nước dồi dào, sinh vật phong phú đa dạng. Lũ lụt, khô hạn, đất bị nhiễm mặn, nhiễm phèn. Vai trò của sông Mê Công. - Nguồn lao động dồi dào, có kinh nghiệm sản xuất nông

CHỦ ĐỀ	MỨC ĐỘ CẦN ĐẠT	GHI CHÚ
	- Trình bày được đặc điểm phát triển kinh tế của vùng: vùng trọng điểm lương thực thực phẩm, đảm bảo an toàn lương thực cho cả nước và xuất khẩu nông sản lớn nhất. Công nghiệp, dịch vụ bắt đầu phát triển. - Nêu được tên các trung tâm kinh tế lớn. Kĩ năng - Xác định được vị trí, giới hạn của vùng trên bản đồ. - Phân tích bản đồ tự nhiên, dân cư, kinh tế và số liệu thống kê để hiểu và trình bày đặc điểm kinh tế của vùng. - Biết xử lí số liệu, vẽ và phân tích biểu đồ cột hoặc thanh ngang để so sánh sản lượng thủy sản của Đồng bằng sông Cửu Long và Đồng bằng sông Hồng so với cả nước.	ngiệp hàng hóa, mặt bằng dân trí chưa cao; thị trường tiêu thụ lớn. - Đứng đầu là công nghiệp chế biến lương thực, thực phẩm. Vận tải thủy, du lịch sinh thái. - Thành phố Cần Thơ, Long Xuyên, Vĩnh Long.
8. Phát triển tổng hợp kinh tế và bảo vệ tài nguyên môi trường biển, đảo	Kiến thức - Biết được các đảo và quần đảo lớn: tên, vị trí.	- Các đảo lớn: Cát Bà, Cái Bầu, Bạch Long Vĩ, Côn Cò, Lý Sơn, Côn Đảo, Phú Quý, Phú Quốc, Thổ Chu; quần đảo Hoàng Sa, Trường Sa.

CHỦ ĐỀ	MỨC ĐỘ CẦN ĐẠT	GHI CHÚ
	- Phân tích được ý nghĩa kinh tế của biển, đảo đối với việc phát triển kinh tế, an ninh quốc phòng. - Trình bày các hoạt động khai thác tài nguyên biển, đảo và phát triển tổng hợp kinh tế biển. - Trình bày đặc điểm tài nguyên và môi trường biển, đảo; một số biện pháp bảo vệ tài nguyên biển, đảo. Kĩ năng - Xác định được vị trí, phạm vi vùng biển Việt Nam. - Kể tên và xác định được vị trí một số đảo và quần đảo lớn từ Bắc vào Nam. - Phân tích bản đồ, sơ đồ, số liệu thống kê để nhận biết tiềm năng kinh tế của các đảo, quần đảo của Việt Nam, tình hình phát triển của ngành dầu khí.	- Khai thác và nuôi trồng sinh vật biển, khai thác khoáng sản, du lịch biển, giao thông vận tải biển.
V. ĐỊA LÍ ĐỊA PHƯƠNG		
1. Vị trí địa lí, phạm vi lãnh thổ của tỉnh (thành phố)	Kiến thức - Nhận biết vị trí địa lí và ý nghĩa của nó đối với phát triển kinh tế - xã hội. - Nêu được giới hạn, diện tích của tỉnh (thành phố); các đơn vị hành chính và trung tâm kinh tế chính trị của tỉnh (thành phố).	- Nêu tên các tỉnh láng giềng, các thành phố lớn ở gần.

CHỦ ĐỀ	MỨC ĐỘ CẦN ĐẠT	GHI CHÚ
2. Điều kiện tự nhiên và tài nguyên thiên nhiên	- Trình bày được đặc điểm địa hình, khí hậu, thủy văn, đất, thực vật, khoáng sản của tỉnh (thành phố). - Đánh giá được những thuận lợi và khó khăn của tự nhiên đối với phát triển kinh tế - xã hội của tỉnh (thành phố).	- Địa hình: các dạng chủ yếu và sự phân bố, ý nghĩa kinh tế. - Khí hậu: nhiệt độ trung bình, cao, thấp nhất; mùa, hướng gió chính; mưa. Ảnh hưởng của chúng tới sản xuất và sinh hoạt của nhân dân. - Thủy văn: sông, hồ, nước ngầm và ý nghĩa kinh tế.
3. Dân cư	- Trình bày được đặc điểm dân cư: số dân, sự gia tăng, cơ cấu dân số, phân bố dân cư. - Đánh giá được những thuận lợi, khó khăn của dân cư và lao động trong việc phát triển kinh tế - xã hội.	
4. Kinh tế	- Trình bày và giải thích được những đặc điểm kinh tế của địa phương. Kĩ năng - Xác định trên bản đồ vị trí địa lí của tỉnh (thành phố). - Phân tích số liệu, biểu đồ, bản đồ để biết đặc điểm tự nhiên, dân cư, kinh tế của tỉnh (thành phố).	- Ngành kinh tế có nhiều người tham gia, đưa lại nhiều thu nhập cho địa phương.

IV. GIẢI THÍCH - HƯỚNG DẪN

1. Quan điểm xây dựng và phát triển chương trình

- Thống nhất với các quan điểm đã nêu trong chương trình môn học, song đặc biệt chú ý đến quan điểm: tiếp cận với những thành tựu của khoa học Địa lí, đồng thời đảm bảo tính vừa sức với học sinh.

- Như đã nêu trong phần giải thích chương trình môn học, một số yếu tố địa lí đã được đề cập đến ở tất cả các lớp của Tiểu học, nên khi xây dựng chương trình môn Địa lí ở Trung học cơ sở, còn có thêm quan điểm: kế thừa và phát triển nội dung địa lí ở Tiểu học.

2. Nội dung

Kế thừa và tiếp tục phát triển nội dung địa lí ở Tiểu học, chương trình môn Địa lí ở Trung học cơ sở bao gồm những kiến thức về địa lí đại cương, địa lí thế giới (thiên nhiên và con người ở các châu lục) và địa lí Việt Nam.

Các kiến thức địa lí đại cương được chọn lựa trên cơ sở kế thừa, phát triển những kiến thức địa lí đại cương ở Tiểu học bảo đảm tạo tiền đề để học sinh học môn Địa lí ở các lớp trên. Nội dung về các môi trường địa lí được đưa vào chương trình vừa bổ sung kiến thức địa lí đại cương, vừa có điều kiện đề cập nhiều hơn tới môi trường, sự tương tác giữa con người với môi trường địa lí.

Trong nội dung địa lí các châu lục chú ý nhiều hơn đến châu Á, nơi có lãnh thổ Việt Nam. Bên cạnh phần khái quát các đặc điểm chung, chương trình còn đề cập đến các khu vực của châu Á và một số quốc gia liền kề với nước ta.

Nội dung địa lí Việt Nam bao gồm cả địa lí tự nhiên, địa lí dân cư, địa lí kinh tế, sự phân hóa theo các vùng lãnh thổ, vấn đề sử dụng hợp lí tài nguyên và bảo vệ môi trường.

Chương trình cũng đã đề cập tới một số vấn đề mang tính toàn cầu có liên quan đến địa lí như dân số, môi trường,... thông qua việc tích hợp chúng vào các nội dung thích hợp.

Chương trình đặc biệt chú ý tăng phần thực hành, địa lí địa phương tạo điều kiện để học sinh được rèn luyện các kĩ năng địa lí, được vận dụng kiến thức và kĩ năng địa lí vào cuộc sống.

3. Về phương pháp dạy học

Trong quá trình dạy học Địa lí, giáo viên cần vận dụng mọi phương pháp, mọi hình thức dạy học thích hợp nhằm giúp học sinh vừa có kiến thức, kĩ năng, vừa rèn luyện được các năng lực hoạt động.

Trong quá trình dạy học Địa lí, giáo viên cần hướng dẫn học sinh làm việc với các nguồn thông tin địa lí, vận dụng các phương pháp học tập bộ môn để có thể tự bổ sung kiến thức như phương pháp quan sát, so sánh, sử dụng bản đồ, biểu đồ, phân tích số liệu thống kê,...

Ngoài các phương pháp dạy học truyền thống, giáo viên cũng cần quan tâm đến một số phương pháp dạy học khác như phương pháp dạy học hợp tác, phương pháp thảo luận, phương pháp dạy học giải quyết vấn đề..., nhằm hình thành và phát triển ở học sinh năng lực tham gia, hòa nhập, khả năng vận dụng kiến thức địa lí trong quá trình học tập và trong cuộc sống.

Tăng cường tổ chức cho học sinh làm việc cá nhân hoặc theo nhóm trong quá trình học tập, tổ chức cho học sinh tham quan, tìm hiểu thực tế địa phương.

Các phương tiện dạy học Địa lí như bản đồ, tranh ảnh, mô hình, mẫu vật, phim giáo khoa,... đều có chức năng kép: vừa là nguồn tri thức địa lí, vừa là phương tiện minh họa nội dung dạy học. Vì vậy, trong quá trình dạy học, giáo viên cần tổ chức hướng dẫn học sinh tự lực khai thác và chiếm lĩnh kiến thức từ các phương tiện dạy học Địa lí. Qua đó học sinh vừa có được kiến thức, vừa được rèn luyện các kĩ năng địa lí.

4. Về đánh giá kết quả học tập của học sinh

Việc đánh giá kết quả học tập của học sinh phải xuất phát từ mục tiêu dạy học của môn học. Các thông tin thu được từ kiểm tra cần phản ánh được chính xác mức độ đạt được của học sinh so với mục tiêu dạy học chung của môn học ở cấp Trung học cơ sở và ở từng lớp của cấp học này.

Để đảm bảo việc đánh giá kết quả học tập Địa lí của học sinh được khách quan, đủ độ tin cậy, cần thực hiện đúng quy trình đánh giá cũng như quy trình soạn đề kiểm tra.

Nội dung kiểm tra bao gồm các lĩnh vực: kiến thức, kỹ năng, thái độ; trước mắt cần tập trung vào kiến thức, kỹ năng địa lí. Kiến thức địa lí bao gồm các biểu tượng, khái niệm, các mối quan hệ địa lí. Các kỹ năng địa lí bao gồm kỹ năng sử dụng bản đồ, phân tích tranh ảnh, phân tích số liệu, bảng thống kê, kỹ năng vẽ và phân tích biểu đồ,... Vì vậy, trong các bài kiểm tra cần có kênh hình hoặc bảng số liệu, bảng thống kê,... để có thể vừa kiểm tra được mức độ nắm kiến thức, vừa kiểm tra được kỹ năng của học sinh. Nội dung kiểm tra bao gồm cả nội dung lí thuyết và nội dung thực hành.

Kiến thức địa lí của học sinh Trung học cơ sở cần được đánh giá theo các mức độ: biết, hiểu, vận dụng. Các kỹ năng địa lí được đánh giá theo mức độ thuần thục và theo chất lượng của công việc.

Trong khi đánh giá kết quả học tập của học sinh cần phối hợp việc theo dõi thường xuyên hoạt động học tập của các em với việc đánh giá thông qua các bài kiểm tra. Phương pháp đánh giá cần kết hợp cả trắc nghiệm tự luận và trắc nghiệm khách quan.

Cần tạo điều kiện để học sinh được tham gia vào quá trình đánh giá và được tự đánh giá kết quả học tập của chính mình.

5. Về việc vận dụng chương trình theo vùng miền và các đối tượng học sinh

- Việc dạy và học môn Địa lí ở các vùng miền được thực hiện theo hướng dẫn của Bộ Giáo dục và Đào tạo.

- Đây là chuẩn kiến thức, kỹ năng tối thiểu áp dụng cho mọi đối tượng học sinh ở các vùng miền khác nhau, vì vậy cần tạo điều kiện để mọi học sinh đều đạt được chuẩn kiến thức, kỹ năng của bộ môn.

(Xem tiếp Công báo số 15 + 16)

Văn phòng Chính phủ xuất bản

Điện thoại: 04.8233947; 04.8231182

Fax: 08044517

Email: congbaovp@cp.gov.vn

In tại Xí nghiệp Bản đồ 1 - Bộ Quốc phòng

Giá: 10.000 đồng

CHƯƠNG TRÌNH GIÁO DỤC PHỔ THÔNG

Cấp Trung học cơ sở

(Ban hành kèm theo Quyết định số 16/2006/QĐ-BGDĐT ngày 05 tháng 5 năm 2006
của Bộ trưởng Bộ Giáo dục và Đào tạo)

(Tiếp theo Công báo số 13 + 14)

Môn ÂM NHẠC



I. MỤC TIÊU

Môn Âm nhạc ở Trung học cơ sở nhằm giúp học sinh:

1. Về kiến thức

Có những kiến thức âm nhạc phù hợp với lứa tuổi về học hát, tập đọc nhạc, nhạc lí và âm nhạc thường thức.

2. Về kĩ năng

- Luyện tập một số kĩ năng ban đầu để hát đúng, hòa giọng, diễn cảm và có thể kết hợp một số hoạt động khi tập hát.
- Bước đầu luyện tập đọc nhạc và chép nhạc ở mức độ đơn giản.
- Luyện tập nghe và cảm nhận âm nhạc.

3. Về thái độ

- Bồi dưỡng tình cảm trong sáng, lòng yêu nghệ thuật âm nhạc nhằm phát triển hài hòa nhân cách.
- Thông qua các hoạt động âm nhạc làm cho đời sống tinh thần phong phú, lành mạnh, đem đến cho học sinh niềm vui, tinh thần lạc quan, sự mạnh dạn và tự tin.
- Có nhiệt tình tham gia các hoạt động âm nhạc trong và ngoài trường học.

II. NỘI DUNG

1. Kế hoạch dạy học

Lớp	Số tiết/tuần	Số tuần	Tổng số tiết/năm
6	1	35	35
7	1	35	35
8	1	35	35
9	1	18	18
Cộng (toàn cấp)		123	123

2. Nội dung dạy học từng lớp

LỚP 6

$1 \text{ tiết/tuần} \times 35 \text{ tuần} = 35 \text{ tiết}$

HỌC HÁT	NHẠC LÍ	TẬP ĐỌC NHẠC	ÂM NHẠC THƯỜNG THỨC
- Học 8 bài hát phù hợp với độ tuổi lớp 6, trong đó chọn 1-2 bài dân ca Việt Nam, 4-5 bài hát thiếu nhi, 1-2 bài hát nước ngoài.	- Những thuộc tính của âm thanh. - Những kí hiệu ghi cao độ, trường độ thường dùng. - Nhịp và phách; Nhịp 2/4, 3/4. - Một số kí hiệu thường gặp trong bản nhạc.	- Các bài Tập đọc nhạc giọng Đô trưởng, có thể dùng đủ 7 âm (hoặc thiếu) với các hình nốt đen, móc đơn, lặng đen, nốt trắng, nốt đen có chấm đôi, nốt trắng có chấm đôi. - Học 8-10 bài Tập đọc nhạc có lời ca, không dài quá 16 nhịp 2/4, 3/4 với âm hình tiết tấu đơn giản, giai điệu dễ đọc.	- Giới thiệu một số tác giả, tác phẩm gồm: nhạc sĩ Việt Nam được Giải thưởng Hồ Chí Minh, nhạc sĩ có tác phẩm cho thiếu nhi, nhạc sĩ nổi tiếng thế giới thuộc trường phái cổ điển. - Sơ lược về dân ca Việt Nam. - Sơ lược về một số nhạc cụ dân tộc phổ biến: sáo, bầu, tranh, nhị, nguyệt, trống. - Sơ lược về nhạc hát và nhạc đàn.

LỚP 7*1 tiết/tuần × 35 tuần = 35 tiết*

HỌC HÁT	NHẠC LÍ	TẬP ĐỌC NHẠC	ÂM NHẠC THƯỜNG THỨC
- Học 8 bài hát phù hợp với độ tuổi lớp 7, trong đó chọn 1-2 bài dân ca Việt Nam, 4-5 bài hát thiếu nhi, 1-2 bài hát nước ngoài.	- Nhịp 4/4, nốt tròn. - Nhịp lấy đà. - Các kí hiệu âm nhạc thông dụng. - Cung và nửa cung. - Dấu hóa. - Sơ lược về quãng. - Gam trưởng, giọng trưởng.	- Các bài Tập đọc nhạc giọng trưởng và thứ (chủ âm Đô, chủ âm La), có thể dùng đủ 7 âm hoặc thiếu. - Học 8-10 bài Tập đọc nhạc có lời ca, không dài quá 20 nhịp 2/4, 3/4, 4/4 với âm hình tiết tấu đơn giản, giai điệu dễ đọc.	- Giới thiệu một số tác giả, tác phẩm gồm: nhạc sĩ Việt Nam được Giải thưởng Hồ Chí Minh, nhạc sĩ có tác phẩm cho thiếu nhi, nhạc sĩ nổi tiếng thế giới thuộc trường phái cổ điển. - Sơ lược về một vài nhạc cụ phương Tây: piano, violon, violoncelle, guitare, accordéon. - Một số thể loại bài hát. - Vài nét về âm nhạc thiếu nhi Việt Nam. - Vài nét về dân ca một số dân tộc ít người.

LỚP 8*1 tiết/tuần × 35 tuần = 35 tiết*

HỌC HÁT	NHẠC LÍ	TẬP ĐỌC NHẠC	ÂM NHẠC THƯỜNG THỨC
- Học 8 bài hát phù hợp với độ tuổi lớp 8, trong đó chọn 1-2 bài	- Gam thứ, giọng thứ, giọng La thứ, giọng La thứ hòa thanh. - Giọng song song, giọng cùng tên.	- Các bài Tập đọc nhạc giọng Đô trưởng và La thứ. - Học 8-10 bài Tập	- Giới thiệu một số tác giả, tác phẩm gồm: nhạc sĩ Việt Nam được Giải thưởng Hồ Chí Minh, nhạc sĩ nổi tiếng thế giới thuộc trường phái lãng mạn.

HỌC HÁT	NHẠC LÍ	TẬP ĐỌC NHẠC	ÂM NHẠC THƯỜNG THỨC
dân ca Việt Nam, 4-5 bài hát thiếu nhi, 1-2 bài hát nước ngoài.	- Thứ tự các dấu thăng, dấu giáng ở hóa biểu từ 1 đến 4 dấu hóa. - Nhịp 6/8. - Một số thuật ngữ chỉ nhịp độ, cường độ.	đọc nhạc có lời ca, không dài quá 20 nhịp 2/4, 3/4, 4/4, 6/8 với âm hình tiết tấu đơn giản, giai điệu dễ đọc.	- Một vài nhạc cụ dân tộc: cồng chiêng, t'rung, đàn đá. - Giới thiệu về hát bè. - Sơ lược về một vài thể loại nhạc dân. - Âm nhạc với đời sống.

LỚP 9

$1 \text{ tiết/tuần} \times 18 \text{ tuần} = 18 \text{ tiết}$

HỌC HÁT	NHẠC LÍ	TẬP ĐỌC NHẠC	ÂM NHẠC THƯỜNG THỨC
- Học 4 bài hát phù hợp với độ tuổi lớp 9, trong đó có 1 bài dân ca Việt Nam, 1 bài hát nước ngoài.	Giới thiệu sơ lược về: - Quãng (trường, thứ, đúng, tăng, giảm). - Hợp âm. - Dịch giọng.	- Tập đọc 4 bài để giới thiệu 4 giọng: Son trưởng, Mi thứ, Pha trưởng, Rê thứ. - Các bài Tập đọc nhạc có lời ca, không dài quá 24 nhịp 2/4, 3/4, 4/4 với âm hình tiết tấu đơn giản, giai điệu dễ đọc.	- Giới thiệu một số tác giả, tác phẩm gồm: nhạc sĩ Việt Nam được Giải thưởng Hồ Chí Minh, nhạc sĩ nổi tiếng thế giới. - Một vài nét về ca khúc thiếu nhi phổ thơ. - Một số ca khúc mang âm hưởng dân ca.

LỚP 6

CHỦ ĐỀ	MỨC ĐỘ CẦN ĐẠT	GHI CHÚ
Học hát Học 8 bài hát gồm 4-5 bài hát thiếu nhi; 1-2 bài dân ca Việt Nam; 1-2 bài hát hoặc dân ca nước ngoài.	- Hát đúng cao độ, trường độ, hòa giọng, hát diễn cảm. - Biết cách lấy hơi thể hiện các câu hát, phát âm rõ lời và chú trọng nâng cao chất lượng giọng hát. - Biết hát kết hợp với vận động hoặc gõ đệm. - Biểu diễn bài hát theo hình thức đơn ca, song ca, tốp ca,...	- Âm vực các bài hát trong phạm vi quãng 11. - Các bài hát viết ở giọng trưởng hoặc giọng thứ với nhịp 2/4, 3/4 (3/8), 4/4. - Chọn các bài hát phong phú về nội dung và hình thức biểu hiện. Chú trọng những bài hát cộng đồng.
Nhạc lí - Những thuộc tính của âm thanh. - Những kí hiệu ghi cao độ, trường độ thường dùng. - Nhịp và phách. Nhịp 2/4, 3/4. - Các kí hiệu âm nhạc thông dụng.	- Biết về các thuộc tính của âm thanh. - Biết các kí hiệu ghi cao độ, trường độ thường dùng. - Phân biệt nhịp và phách. - Phân biệt nhịp 2/4 và 3/4. - Biết sử dụng các kí hiệu âm nhạc thông dụng.	Các nội dung nhạc lí được giới thiệu ở mức độ sơ giản, qua thực hành để hiểu biết các kí hiệu âm nhạc.

CHỦ ĐỀ	MỨC ĐỘ CẦN ĐẠT	GHI CHÚ
Tập đọc nhạc Tập đọc từ 8-10 bài giọng Đô trưởng và giọng Đô 5 âm (Đô-Rê-Mi-Son-La), nhịp 2/4 và 3/4.	- Đọc đúng tên nốt nhạc, đúng cao độ, trường độ và ghép lời ca. - Tập đọc nhạc kết hợp gõ đệm và đánh nhịp.	- Các bài Tập đọc nhạc có tiết tấu đơn giản, giai điệu dễ đọc, có lời ca. - Giáo viên sử dụng nhạc cụ để hướng dẫn học sinh đọc giai điệu và ghép lời. - Các bài Tập đọc nhạc không dài quá 16 nhịp.
Âm nhạc thường thức - Giới thiệu một số tác giả, tác phẩm gồm: nhạc sĩ Việt Nam được Giải thưởng Hồ Chí Minh, nhạc sĩ có tác phẩm cho thiếu nhi; nhạc sĩ nổi tiếng thế giới thuộc trường phái cổ điển. - Sơ lược về dân ca Việt Nam và giới thiệu một vài nhạc cụ dân tộc phổ biến: sáo ngang, trống cái, trống cơm, trống đế, trống con.	- Biết sơ lược về tiểu sử và sự nghiệp âm nhạc của những nhạc sĩ được giới thiệu. - Phân biệt được một vài nhạc cụ dân tộc phổ biến và có ý thức tìm hiểu, trân trọng nền âm nhạc dân tộc Việt Nam.	Sử dụng nhiều hình thức dạy học và các thiết bị dạy học giúp học sinh mở rộng kiến thức âm nhạc.

LỚP 7

CHỦ ĐỀ	MỨC ĐỘ CẦN ĐẠT	GHI CHÚ
Học hát Học 8 bài hát gồm 4-5 bài hát thiếu nhi; 1-2 bài dân ca Việt Nam; 1-2 bài hát hoặc dân ca nước ngoài.	- Hát đúng cao độ, trường độ, hòa giọng, hát diễn cảm.	- Âm vực các bài hát trong phạm vi quãng 11.

CHỦ ĐỀ	MỨC ĐỘ CẦN ĐẠT	GHI CHÚ
	- Biết cách lấy hơi thể hiện các câu hát và chú trọng nâng cao chất lượng giọng hát. - Biết hát kết hợp với vận động hoặc gõ đệm. - Biểu diễn bài hát theo hình thức đơn ca, song ca, tốp ca,...	- Các bài hát viết ở giọng trưởng hoặc giọng thứ với nhịp 2/4, 3/4 (3/8), 4/4. - Chọn các bài hát phong phú về nội dung và hình thức biểu hiện. Chú trọng những bài hát cộng đồng.
Nhạc lí - Nhịp 4/4, nốt tròn. - Nhịp lấy đà. - Các kí hiệu âm nhạc thông dụng. - Cung và nửa cung. - Dấu hóa. - Giới thiệu sơ lược về quãng. - Gam trưởng, giọng trưởng.	- Phân biệt được nhịp 2/4, 3/4 và 4/4. - Biết về nhịp lấy đà. - Biết một số kí hiệu âm nhạc thường dùng trong bản nhạc. - Nhớ được cung và nửa cung trong 7 âm cơ bản. - Biết cách viết và tác dụng của các dấu hóa: thăng, giáng, bình. - Có khái niệm sơ lược về quãng. - Nhớ được công thức cấu tạo của gam trưởng, giọng trưởng.	Các nội dung nhạc lí được giới thiệu ở mức độ sơ giản, qua thực hành để hiểu biết các kiến thức lí thuyết.
Tập đọc nhạc Tập đọc 8 - 10 bài giọng Đô trưởng, La thứ và điệu thức 5 âm.	- Đọc đúng giai điệu và ghép lời ca. - Kết hợp đọc với gõ phách, gõ nhịp, đánh nhịp.	- Các bài Tập đọc nhạc viết ở nhịp 2/4, 3/4, 4/4 có tiết tấu đơn giản, giai điệu dễ đọc, có lời ca. - Giáo viên sử dụng nhạc cụ để hướng dẫn học sinh đọc giai điệu và ghép lời.

CHỦ ĐỀ	MỨC ĐỘ CẦN ĐẠT	GHI CHÚ
		- Các bài Tập đọc nhạc không dài quá 20 nhịp và có thể dùng nhịp lấy đà.
Âm nhạc thường thức - Giới thiệu một số tác giả, tác phẩm gồm: nhạc sĩ Việt Nam được Giải thưởng Hồ Chí Minh, nhạc sĩ có tác phẩm cho thiếu nhi, nhạc sĩ nổi tiếng thế giới thuộc trường phái cổ điển. - Một số nhạc cụ phương Tây phổ biến: piano, violon, violoncelle, guitare, accordéon. - Một số thể loại bài hát. - Đôi nét về dân ca các dân tộc thiểu số. - Đôi nét về ca khúc thiếu nhi.	- Biết sơ lược về tiểu sử và sự nghiệp âm nhạc của những nhạc sĩ được giới thiệu. - Phân biệt được hình dáng và âm sắc các nhạc cụ: piano, violon, violoncelle, guitare, accordéon. - Phân biệt được một số thể loại bài hát. - Biết sơ lược về dân ca của các dân tộc ít người ở Việt Nam. - Biết về một số tác giả, tác phẩm âm nhạc thiếu nhi Việt Nam.	Sử dụng nhiều hình thức dạy học và các thiết bị dạy học giúp học sinh mở rộng kiến thức và nâng cao cảm thụ âm nhạc.

LỚP 8

CHỦ ĐỀ	MỨC ĐỘ CẦN ĐẠT	GHI CHÚ
Học hát Học 8 bài hát gồm 4-5 bài hát thiếu nhi; 1-2 bài dân ca Việt Nam; 1-2 bài hát hoặc dân ca nước ngoài.	- Hát đúng cao độ, trường độ, hòa giọng, hát diễn cảm. - Biết cách lấy hơi thể hiện các câu hát	- Âm vực các bài hát trong phạm vi quãng 11 (hoặc quãng 12). - Các bài hát viết ở giọng trưởng hoặc

CHỦ ĐỀ	MỨC ĐỘ CẦN ĐẠT	GHI CHÚ
	và chú trọng nâng cao chất lượng giọng hát. - Biểu diễn bài hát theo hình thức đơn ca, song ca, tốp ca,...	giọng thứ với nhịp 2/4, 3/4 (3/8), 4/4, 6/8. - Chọn các bài hát phong phú về nội dung và hình thức biểu hiện. Chú trọng những bài hát cộng đồng.
Nhạc lí - Gam thứ, giọng thứ, giọng thứ hòa thanh. - Giọng song song, giọng cùng tên. - Nhịp 6/8. - Giới thiệu thứ tự các dấu hóa trên hóa biểu từ 1 đến 4 dấu.	- Nhớ được công thức cấu tạo của gam thứ, giọng thứ. Phân biệt được sự khác nhau giữa giọng La thứ tự nhiên với La thứ hòa thanh. - Biết về giọng song song và giọng cùng tên. - So sánh được sự khác nhau giữa nhịp 2/4, 3/4, 4/4 và 6/8. - Biết thứ tự xuất hiện các dấu thăng, dấu giáng trên hóa biểu.	Các nội dung nhạc lí được giới thiệu ở mức độ sơ giản, qua thực hành để hiểu biết các kiến thức lí thuyết.
Tập đọc nhạc Tập đọc 8 - 10 bài giọng Đô trưởng, La thứ và điệu thức 5 âm.	- Đọc đúng giai điệu và ghép lời ca. - Kết hợp đọc với gõ phách, gõ nhịp, đánh nhịp.	- Các bài Tập đọc nhạc viết ở nhịp 2/4, 3/4, 4/4 và 6/8 giai điệu dễ đọc, có lời ca. - GV sử dụng nhạc cụ để hướng dẫn học sinh đọc giai điệu và ghép lời. - Các bài Tập đọc nhạc không dài quá 20 nhịp và có thể dùng nhịp lấy đà.

CHỦ ĐỀ	MỨC ĐỘ CẦN ĐẠT	GHI CHÚ
Âm nhạc thường thức - Giới thiệu một số tác giả, tác phẩm gồm: nhạc sĩ Việt Nam được Giải thưởng Hồ Chí Minh, nhạc sĩ có tác phẩm cho thiếu nhi, nhạc sĩ nổi tiếng thế giới thuộc trường phái lãng mạn. - Giới thiệu một vài nhạc cụ dân tộc: công chiêng, t'rung, đàn đá. - Sơ lược về một vài thể loại nhạc dân. - Giới thiệu về hát bè. - Âm nhạc với đời sống.	- Biết sơ lược về tiểu sử và sự nghiệp âm nhạc của những nhạc sĩ được giới thiệu. - Phân biệt được hình dáng một vài nhạc cụ dân tộc như: công chiêng, t'rung, đàn đá và có ý thức tìm hiểu, trân trọng nền âm nhạc dân tộc Việt Nam. - Hiểu sơ lược về ý nghĩa và tác dụng của hát bè.	Sử dụng nhiều hình thức dạy học và các thiết bị dạy học giúp học sinh mở rộng kiến thức và nâng cao cảm thụ âm nhạc.

LỚP 9

CHỦ ĐỀ	MỨC ĐỘ CẦN ĐẠT	GHI CHÚ
Học hát Học 4 bài hát gồm 2 bài hát thanh, thiếu niên; 1 bài dân ca Việt Nam; 1 bài hát hoặc dân ca nước ngoài.	- Hát đúng giai điệu và diễn cảm, chú trọng nâng cao chất lượng giọng hát. - Biểu diễn bài hát theo hình thức đơn ca, song ca, tốp ca...	- Âm vực các bài hát trong phạm vi quãng 11 (hoặc quãng 12). - Các bài hát viết ở giọng trưởng hoặc giọng thứ. - Chọn các bài hát phong phú về nội dung và hình thức biểu hiện. Chú trọng những bài hát cộng đồng.

CHỦ ĐỀ	MỨC ĐỘ CẦN ĐẠT	GHI CHÚ
Nhạc lí - Giới thiệu sơ lược về quãng đúng, quãng trưởng, quãng thứ trong âm vực 1 quãng 8 (Đô 1- Đô 2). - Giới thiệu sơ lược về cấu tạo hợp âm 3 trưởng, hợp âm 3 thứ và hợp âm 7. - Giới thiệu sơ lược về dịch giọng.	- Biết một số kiến thức về quãng để hiểu được cách cấu tạo hợp âm. - Phân biệt được hợp âm 3 và hợp âm 7. - Có khái niệm bước đầu về dịch giọng.	Cần giới hạn tới mức tối thiểu khi trình bày các nội dung về: quãng, hợp âm và dịch giọng.
Tập đọc nhạc Tập đọc 4 bài ở các giọng Son trưởng, Mi thứ, Pha trưởng và Rê thứ. Các bài có giai điệu và tiết tấu đơn giản, có lời ca.	Biết đọc gam, đọc đúng giai điệu, tập đánh nhịp và ghép lời.	- Dạy Tập đọc nhạc cần kết hợp giữa đọc và nghe. - Các bài Tập đọc nhạc không dài quá 24 nhịp và có thể dùng nhịp lấy đà.
Âm nhạc thường thức - Giới thiệu một số tác giả, tác phẩm gồm: nhạc sĩ Việt Nam được Giải thưởng Hồ Chí Minh, nhạc sĩ nổi tiếng thế giới. - Giới thiệu về những bài hát thiếu nhi phổ thơ; những bài hát mang âm hưởng dân ca.	- Biết sơ lược về tiểu sử và sự nghiệp âm nhạc của những nhạc sĩ được giới thiệu. - Có ý thức tìm hiểu và trân trọng nền âm nhạc Việt Nam.	Sử dụng nhiều hình thức dạy học và các thiết bị dạy học giúp học sinh mở rộng kiến thức và nâng cao cảm thụ âm nhạc.

IV. GIẢI THÍCH - HƯỚNG DẪN

1. Quan điểm xây dựng và phát triển chương trình

- Âm nhạc là môn văn hóa bắt buộc. Tất cả học sinh đều được học để có trình độ văn hóa âm nhạc nhất định trong nền học vấn chung ở Trung học cơ sở.
- Kế thừa và phát triển chương trình âm nhạc đã có, chú trọng đến tính dân tộc và hiện đại.
- Quan tâm đến tính vừa sức, tính thực tiễn của chương trình.
- Coi trọng việc rèn luyện thực hành, hết sức giảm nhẹ nội dung lí thuyết âm nhạc.
- Xây dựng chương trình xuất phát từ đặc trưng nghệ thuật âm nhạc phù hợp với lứa tuổi học sinh đại trà, kết hợp với những định hướng về đổi mới phương pháp, gắn liền với thiết bị dạy học.
- Môn Âm nhạc gồm các nội dung (phân môn): Học hát, Tập đọc nhạc, Nhạc lí và Âm nhạc thường thức.
- Nội dung Âm nhạc thường thức là sự nối tiếp nội dung Phát triển khả năng âm nhạc ở Tiểu học. Khi biên soạn sách giáo khoa cần có một số bài đọc thêm để cung cấp thông tin về âm nhạc với đời sống.
- Ở Trung học cơ sở, kiến thức nhạc lí chỉ cần giới thiệu cho học sinh biết và công nhận, không yêu cầu đi sâu, phân tích lí giải.
- Nghe nhạc là một nội dung quan trọng phải được thực hiện thường xuyên trong tất cả các phân môn. Nội dung này chủ yếu đặt trong phân môn Âm nhạc thường thức. Những tác phẩm được giới thiệu trong nội dung nghe nhạc là các bài hát trong chương trình, bài hát thiếu nhi hay dân ca chọn lọc và một số bản nhạc (hoặc trích đoạn) phù hợp với năng lực tiếp thu của học sinh.

2. Về phương pháp dạy học

- Dạy học Âm nhạc ở Trung học cơ sở phải khác cách dạy âm nhạc chuyên nghiệp. Mỗi bài học đều nên có 2 - 3 nội dung của các phân môn theo hướng tích hợp.
- Chú trọng thực hành âm nhạc thông qua hoạt động ca hát, biểu diễn và tập đọc nhạc.
- Cần có đủ những thiết bị dạy học cho bộ môn như: nhạc cụ, phương tiện nghe nhìn (máy nghe, băng, đĩa nhạc, tranh ảnh,...).

- Giáo viên cần phát huy tính sáng tạo, chủ động tìm những biện pháp, thủ thuật có hiệu quả để chuyển tải các nội dung âm nhạc một cách sinh động, hấp dẫn và có tác dụng giáo dục thẩm mỹ.

- Ngoài các hoạt động dạy học trên lớp, giáo viên có thể tổ chức cho học sinh học tập ở ngoài trời, đi tham quan, xem biểu diễn,...

3. Về đánh giá kết quả học tập của học sinh

- Hoạt động kiểm tra phải phản ánh được tương đối chính xác khả năng học tập của học sinh, bao gồm: thực hành âm nhạc, hiểu biết về âm nhạc và ý thức học tập của các em.

- Kiểm tra kết quả học tập của học sinh chủ yếu dựa trên cơ sở thực hành âm nhạc (hát, đọc nhạc, nghe nhạc,...) Hạn chế kiểm tra lí thuyết, có thể kiểm tra bằng hình thức trắc nghiệm. Khi kiểm tra có thể theo nhóm hoặc cá nhân. Rất ít dùng hình thức kiểm tra viết.

- Giáo viên nên thường xuyên khuyến khích, khen ngợi những em có thành tích trong việc tiếp thu kiến thức và thực hành âm nhạc. Giáo viên cần giúp đỡ, động viên học sinh chưa hoàn thành bài học để các em phấn đấu xếp loại đạt yêu cầu.

- Hoạt động kiểm tra không nên tiến hành cứng nhắc mà cần sự linh hoạt của giáo viên. Tùy thuộc vào điều kiện cụ thể ở từng trường, từng lớp, giáo viên đưa ra những hình thức kiểm tra đa dạng, phong phú.

- Xếp loại học tập: giỏi, khá, đạt, chưa đạt.

4. Về việc vận dụng chương trình theo vùng miền và các đối tượng học sinh

- Những nơi có điều kiện phải thực hiện đầy đủ nội dung chương trình.

- Những vùng khó khăn, thực hiện nội dung dạy hát là chủ yếu, có thể dạy thêm nội dung Âm nhạc thường thức.

- Nội dung nghe nhạc tùy điều kiện có thể vận dụng linh hoạt.

- Chương trình mỗi lớp dành 1 - 2 tiết để các địa phương tự chọn bài hát thích hợp dạy cho học sinh.

- Khi chương trình được thể hiện thành sách giáo khoa, sách giáo viên, người biên soạn phải chú ý đến thời lượng dành cho ôn tập, kiểm tra.

I. MỤC TIÊU

Môn Mĩ thuật ở Trung học cơ sở nhằm giúp học sinh:

1. Về kiến thức

- Có điều kiện tiếp xúc với văn hóa thị giác: làm quen với cái đẹp, thưởng thức cái đẹp và hành động theo cái đẹp, góp phần tạo dựng môi trường thẩm mĩ cho xã hội.

- Có những kiến thức về mĩ thuật, hình thành những hiểu biết cần thiết về đường nét, hình khối, đậm nhạt, màu sắc, bố cục.

- Có hiểu biết sơ lược về mĩ thuật Việt Nam và thế giới.

2. Về kĩ năng

- Quan sát đối tượng vẽ, qua đó phát triển trí tưởng tượng và tư duy sáng tạo.

- Thực hành được các bài vẽ theo mẫu, vẽ trang trí, vẽ tranh, phân tích sơ lược một số tác phẩm mĩ thuật Việt Nam và thế giới.

3. Về thái độ

Bước đầu cảm nhận vẻ đẹp của thiên nhiên, cuộc sống, con người; vẻ đẹp của một số tác phẩm mĩ thuật Việt Nam và thế giới.

II. NỘI DUNG**1. Kế hoạch dạy học**

Lớp	Số tiết/tuần	Số tuần	Tổng số tiết/năm
6	1	35	35
7	1	35	35
8	1	35	35

Lớp	Số tiết/tuần	Số tuần	Tổng số tiết/năm
9	1	17	17
Cộng (toàn cấp)		122	122

2. Nội dung dạy học từng lớp

LỚP 6

$$1 \text{ tiết/tuần} \times 35 \text{ tuần} = 35 \text{ tiết}$$

1. Vẽ theo mẫu

- Khái niệm và phương pháp vẽ theo mẫu. Cách tiến hành bài vẽ (trình tự thực hiện).
- Vẽ một số mẫu có hai đồ vật; diễn tả được độ đậm nhạt, sáng tối chính của hình khối cơ bản; có nhận biết về xa gần và nâng cao phương pháp dựng hình.

- Bài tập có thể là 1 tiết hoặc 2 tiết.

2. Vẽ trang trí

- Khái niệm và đặc điểm các bài trang trí cơ bản. Cách tiến hành bài vẽ.
- Giới thiệu về màu sắc và cách dùng màu.
- Chép một số họa tiết dân tộc.
- Làm bài tập về đường diềm, hình vuông, hình chữ nhật.
- Kẻ một dòng chữ (1 trong 2 kiểu chữ cơ bản).
- Vận dụng những hiểu biết về trang trí vào cuộc sống.

3. Vẽ tranh

- Cách tiến hành bài vẽ.
- Thực hành vẽ tranh các đề tài quen thuộc.

4. Thường thức mỹ thuật

a) Mỹ thuật Việt Nam

- Giới thiệu mỹ thuật cổ đại Việt Nam.
- Giới thiệu hai dòng tranh dân gian Việt Nam và một số tranh tiêu biểu (Đông Hồ, Hàng Trống).
- Giới thiệu sơ lược mỹ thuật thời Lý và một số tác phẩm tiêu biểu về kiến trúc, điêu khắc.
- Giới thiệu sơ lược về mỹ thuật trước Cách mạng tháng Tám năm 1945.

b) Mỹ thuật thế giới

Giới thiệu sơ lược về mỹ thuật thế giới cổ đại và một số tác phẩm tiêu biểu về kiến trúc, điêu khắc ở giai đoạn này.

LỚP 7

$$1 \text{ tiết/tuần} \times 35 \text{ tuần} = 35 \text{ tiết}$$

1. Vẽ theo mẫu

- Giới thiệu về cách diễn tả độ đậm nhạt.
- Vẽ được bài có hai đồ vật.
- Tập kí họa đồ vật, phong cảnh.

2. Vẽ trang trí

- Cùng cố kiến thức trang trí cơ bản và cách sử dụng màu sắc.
- Chép một số họa tiết trang trí dân tộc và hoa lá thực.
- Tập đơn giản và sáng tạo họa tiết trang trí.
- Tập làm trang trí ứng dụng.

3. Vẽ tranh

- Giới thiệu tranh phong cảnh và cách vẽ.
- Giới thiệu tranh sinh hoạt và cách vẽ.
- Chú ý về bố cục, cách chọn hình ảnh, cách dùng màu, nâng cao kiến thức, kỹ năng vẽ tranh.

4. Thường thức mỹ thuật

a) Mỹ thuật Việt Nam

- Giới thiệu sơ lược mỹ thuật thời Trần và một số tác phẩm tiêu biểu về kiến trúc, điêu khắc.
- Giới thiệu sơ lược về mỹ thuật Việt Nam sau Cách mạng tháng Tám năm 1945 và một số tác giả, tác phẩm tiêu biểu.

b) Mỹ thuật thế giới

Giới thiệu sơ lược về mỹ thuật thời Phục hưng và một số tác giả, tác phẩm tiêu biểu.

LỚP 8

$$1 \text{ tiết/tuần} \times 35 \text{ tuần} = 35 \text{ tiết}$$

1. Vẽ theo mẫu

- Cùng cố kiến thức và nâng cao kỹ năng vẽ theo mẫu.

- Tập vẽ theo mẫu (tĩnh vật) bằng màu.
- Vẽ mẫu có hai hoặc ba đồ vật (bài từ 1 - 2 tiết).
- Giới thiệu sơ lược về tỉ lệ người, mặt người.
- Giới thiệu về phương pháp kí họa.

2. Vẽ trang trí

- Vận dụng các nguyên tắc cơ bản trong trang trí ứng dụng.
- Vai trò của trang trí trong cuộc sống.
- Nâng cao kiến thức sử dụng màu trong trang trí.
- Vận dụng kiến thức trang trí vào các bài ứng dụng cụ thể.

3. Vẽ tranh

- Giới thiệu về bố cục tranh (củng cố kiến thức các phần đã học).
- Vẽ được tranh theo các loại chủ đề (vận dụng kiến thức đã học vào bài vẽ).

4. Thường thức mỹ thuật

a) Mỹ thuật Việt Nam

- Giới thiệu sơ lược về mỹ thuật thời Lê và một số tác phẩm tiêu biểu.
- Giới thiệu sơ lược về mỹ thuật hiện đại Việt Nam và một số tác giả, tác phẩm tiêu biểu.

b) Mỹ thuật thế giới

Giới thiệu sơ lược về hội họa Ấn tượng và một số tác giả, tác phẩm tiêu biểu.

1. Vẽ theo mẫu

- Nâng cao kiến thức, kỹ năng vẽ theo mẫu.
- Vẽ mẫu có ba đồ vật.
- Vẽ tượng chân dung.
- Tập vẽ dáng người.

2. Vẽ trang trí

- Nâng cao kiến thức, kỹ năng trang trí cơ bản và ứng dụng.
- Vận dụng vào các bài tập cụ thể.

3. Vẽ tranh

- Nâng cao kiến thức, kỹ năng vẽ tranh.
- Vận dụng để vẽ được các đề tài cụ thể.

4. Thường thức mỹ thuật**a) Mỹ thuật Việt Nam**

- Giới thiệu về mỹ thuật thời Nguyễn.
- Chạm khắc gỗ đình làng Việt Nam.
- Giới thiệu sơ lược mỹ thuật các dân tộc thiểu số Việt Nam.

b) Mỹ thuật thế giới

Sơ lược về một số nền mỹ thuật châu Á.

LỚP 6

CHỦ ĐỀ	MỨC ĐỘ CẦN ĐẠT	GHI CHÚ
I - VẼ THEO MẪU		
1. Mẫu vẽ - Khối cơ bản (khối trụ, khối hộp, khối cầu) - Đồ vật quen thuộc có dạng hình khối cơ bản (cái xô, cái phích, chai, lọ) - Mẫu một đồ vật, mẫu hai hoặc ba đồ vật	Kiến thức - Nhận biết về hình dáng, cấu trúc, tỉ lệ, đậm nhạt, màu sắc và đặc điểm của mẫu. - Cảm thụ vẻ đẹp của mẫu. Kĩ năng Phân biệt đặc điểm, tỉ lệ, cấu trúc của mẫu.	- Tìm chọn mẫu theo yêu cầu của sách giáo khoa hay tìm mẫu có hình dạng tương đương. - Các vật trong tập hợp mẫu phải có kích thước, tỉ lệ tạo nên sự sinh động và bố cục đẹp. - Có màu sắc, đậm nhạt rõ ràng.
2. Cách vẽ - Bố cục - Nét - Hình - Đậm nhạt - Màu sắc	Kiến thức - Biết sắp xếp bố cục phù hợp với khuôn khổ giấy vẽ. - Biết vẽ nét có đậm nhạt. - Nhận biết được đặc điểm hình dáng của mẫu. Kĩ năng - Vẽ được hình cân đối với khổ giấy, hình sát với mẫu. - Bước đầu thể hiện được ba độ đậm nhạt (đậm, đậm vừa, nhạt).	- Đặt mẫu ở vị trí phù hợp, có thể đặt nhiều nhóm mẫu ở các vị trí khác nhau. - Ánh sáng trên mẫu rõ ràng. - Hướng dẫn học sinh quan sát để vẽ khung hình phù hợp. - Quan sát mẫu để xác định các độ đậm nhạt và màu sắc.

CHỦ ĐỀ	MỨC ĐỘ CẦN ĐẠT	GHI CHÚ
3. Luật xa gần - Khái niệm về xa gần - Những điểm cơ bản về xa gần: + Đường chân trời (tầm mắt) + Điểm tụ + Đường thẳng, hình tròn không gian (theo xa gần)	Kiến thức - Hiểu khái niệm về xa gần. - Hiểu những nét khái quát về xa gần. Vận dụng luật xa gần trong bài vẽ khối và các đồ vật. Kĩ năng Bước đầu vận dụng luật xa gần trong vẽ theo mẫu, theo yêu cầu của bài học.	- Tìm ảnh chụp về: nhà cửa, cánh đồng, con đường, hàng cây, sông biển,... để minh họa về xa gần: đường tầm mắt, điểm tụ. - Minh họa qua vẽ khối hộp, khối trụ.
4. Thực hành - Vẽ khối - Vẽ đồ vật (mẫu có hai hoặc nhiều đồ vật)	Kiến thức - Hiểu cách xác định khung hình chung và riêng. - Biết xác định tỉ lệ các bộ phận của mẫu. - Nhận biết các độ đậm nhạt, màu sắc của mẫu. Kĩ năng - Vẽ được khung hình chung và riêng theo vị trí xa gần của mẫu. - Vẽ được đặc điểm chính, tỉ lệ của mẫu. - Vẽ được đậm nhạt, sáng tối chính của mẫu.	Học sinh chuẩn bị đồ dùng học tập.

CHỦ ĐỀ	MỨC ĐỘ CẦN ĐẠT	GHI CHÚ
II. VẼ TRANG TRÍ		
1. Bố cục	Kiến thức Nâng cao hơn về nhận thức, cách tiến hành bố cục trong các bài trang trí cơ bản: đường diềm, hình vuông, hình tròn, hình chữ nhật. Kĩ năng Vẽ được bài trang trí bố cục tương đối chặt chẽ, sử dụng họa tiết hợp lí. (Biết được các thể thức trang trí: đăng đối, cân đối, đối xứng, xen kẽ, phá thế, nhắc lại,...)	- Tập làm phác thảo trang trí nhỏ. - Phác hình bố cục bằng các hình mảng ki hà. - Sử dụng chì để vẽ đậm nhạt cho bài phác thảo. - Thực hành đúng yêu cầu các thể thức trang trí đã học.
2. Đường nét	Kiến thức Biết sử dụng các họa tiết bằng hình ki hà (dân tộc miền núi) và các họa tiết vốn cổ dân tộc Việt Nam. Kĩ năng Vẽ được các bài trang trí có đường nét, họa tiết tương đối uyển chuyển, hài hòa.	- Sử dụng các họa tiết vốn cổ dân tộc để học tập như các hình trên mặt trống đồng Ngọc Lũ, các hoa văn trong chạm khắc đá, gỗ ở đình chùa và thổ cẩm. - Giúp học sinh nhìn ra các đường nét đẹp tạo cho bài trang trí hài hòa về bố cục.

CHỦ ĐỀ	MỨC ĐỘ CẦN ĐẠT	GHI CHÚ
3. Họa tiết	Kiến thức - Biết, hiểu được nét đẹp trong họa tiết cổ. - Sử dụng các họa tiết vào trang trí sao cho uyển chuyển, linh hoạt. Kỹ năng - Đơn giản, cách điệu họa tiết từ hoa lá thật theo yêu cầu bài học. - Sử dụng được các họa tiết vào bài trang trí cơ bản hoặc ứng dụng hợp lí.	- Cho tập vẽ một số họa tiết đơn giản như hoa sen, hoa thị, chim lạc,... sau đó tập vẽ các họa tiết phức tạp hơn như hoa lá, con rồng, con phượng,... - Hướng dẫn cách vẽ phác các hình mảng bằng nét thẳng.
4. Màu sắc	Kiến thức Củng cố kiến thức về màu sắc, cách pha màu, tạo hòa sắc. Kỹ năng - Pha trộn được một số màu, cách vẽ màu trong bài trang trí. - Sử dụng được màu trong bài vẽ theo hòa sắc nóng hoặc lạnh. (Biết cách chuyển màu, đặt màu cạnh nhau sao cho hợp lí trong một bài vẽ.)	- Cho học sinh xem nhiều bài vẽ trang trí của học sinh những năm trước: bài khá và bài có những thiếu sót về bố cục, hình, màu để phân tích, rút kinh nghiệm. - Cho học sinh luyện tập pha màu và vẽ màu vào phác thảo bố cục có sẵn. - Hướng dẫn để học sinh có cách vẽ màu đúng yêu cầu của bài.
5. Kẽ chữ	Kiến thức Biết được cấu trúc, tỉ lệ, kiểu dáng của chữ nét đều, nét thanh, nét đậm.	Tìm nhiều kiểu chữ trong sách báo, khẩu hiệu để minh họa so sánh các kiểu chữ khác nhau.

CHỦ ĐỀ	MỨC ĐỘ CẦN ĐẠT	GHI CHÚ
	Kĩ năng - Sắp xếp được các khoảng cách chữ, khoảng cách tiếng và khoảng cách dòng một cách cân đối, hợp lí. - Kẻ được một dòng chữ nét đều ngắn theo nội dung bài học.	
III. VẼ TRANH		
1. Đề tài - Cách vẽ - Bố cục tranh - Hình mảng - Đường nét - Màu sắc	Kiến thức - Hiểu khái niệm về tranh đề tài, đề tài trong tranh vẽ. - Bước đầu nhận thức được nội dung và hình thức. Kĩ năng - Lựa chọn đề tài khi vẽ tranh. - Bố cục được hình mảng trong bức tranh hợp lí. - Biết cách sử dụng đường nét, hình mảng, màu sắc ở mức độ đơn giản, phù hợp với nội dung. - Bước đầu biết sử dụng chất liệu màu nước, màu bột trong vẽ tranh.	- Phương pháp khai thác nội dung. - Hướng dẫn tìm tài liệu đọc thêm và xem tranh mẫu. - Giới thiệu các phương pháp bố cục cơ bản: theo hình tròn, hình tháp (tam giác), hình vuông. - Tập làm phác thảo nhỏ. - Tìm tài liệu hình ảnh phù hợp với nội dung chọn lọc để sử dụng phù hợp với hình định vẽ trong tranh. - Có thể tập vẽ kí họa tự đặt đáng đề hình dung hoặc vẽ theo. - Nhắc lại về quy luật của màu sắc và phương pháp vẽ màu.

CHỦ ĐỀ	MỨC ĐỘ CẦN ĐẠT	GHI CHÚ
2. Thực hành	- Vẽ được một bức tranh đề tài theo yêu cầu bài học. - Bài vẽ có bố cục, hình, màu hợp lí, gần với đề tài.	
IV. THƯỜNG THỨC MỸ THUẬT		
1. Sơ lược về mỹ thuật Việt Nam thời cổ đại	Kiến thức Nắm được về bối cảnh lịch sử thời cổ đại. - Hiểu biết sơ lược về thời kì đồ đá. - Hiểu biết sơ lược về thời kì đồ đồng. - Nhận thức chung về giá trị thẩm mĩ của các di vật, các đồ vật, sản phẩm văn hóa, đời sống của mỹ thuật thời cổ đại. Kĩ năng - Nhớ được mốc giai đoạn lịch sử và một số địa điểm có di vật thời kì cổ đại. - Nhận thức được một số giá trị chính các di vật thời kì cổ đại.	- Có thể dùng phiếu có câu hỏi sẵn để học sinh trả lời. - Khai thác kiến thức chương trình lịch sử. - Giáo viên tìm các tư liệu có liên quan đến lịch sử mỹ thuật cổ Việt Nam và thế giới.
2. Lịch sử mỹ thuật thời kì phong kiến	Kiến thức - Nắm sơ qua quá trình phát triển của nền mỹ thuật Việt Nam thời Lý.	- Chuẩn bị các tài liệu chủ yếu bằng bài viết, tranh ảnh.

CHỦ ĐỀ	MỨC ĐỘ CẦN ĐẠT	GHI CHÚ
	- Các giai đoạn phát triển mỹ thuật và các công trình mỹ thuật tiêu biểu thời Lý. - Những đặc điểm chính của nền mỹ thuật thời Lý (đi sâu vào kiến trúc, điêu khắc và nghệ thuật đồ gốm). Kĩ năng - Nhớ được một số công trình kiến trúc, điêu khắc (tượng, chạm khắc), trong nền mỹ thuật thời Lý (chùa, tượng, hoa văn,...). - Nhớ được một số đặc điểm của mỹ thuật thời Lý.	- Sưu tầm các tranh dân gian Việt Nam. - Linh hoạt trong bài giảng để học sinh nắm được nội dung trong các đề mục giảng bài. - Tổ chức hoạt động thảo luận theo nhóm.
3. Tranh dân gian Việt Nam	Kiến thức - Biết được một số đề tài của tranh dân gian Việt Nam. - Nắm được nguồn gốc, đặc điểm nghệ thuật trong sáng tác tranh dân gian (tiêu biểu là dòng tranh Đông Hồ và dòng tranh Hàng Trống). - Cách thức làm tranh dân gian và chất liệu sử dụng.	

CHỦ ĐỀ	MỨC ĐỘ CẦN ĐẠT	GHI CHÚ
	Kĩ năng - Nhớ được một số tranh tiêu biểu. - Biết cách thể hiện nét và màu của tranh dân gian.	
4. Lịch sử mỹ thuật thế giới	Kiến thức - Hiểu sơ lược về mỹ thuật thế giới cổ đại. - Biết một số địa danh có nền mỹ thuật cổ đại (Hi Lạp, La Mã, Ai Cập). - Biết một số công trình kiến trúc, điêu khắc tiêu biểu thời kì cổ đại. Kĩ năng Nêu được vài nét khái quát về đặc điểm của nền mỹ thuật cổ đại.	- Sử dụng bảng, đĩa hình giới thiệu về các nền mỹ thuật tiêu biểu trên thế giới. - Sơ tầm tranh ảnh về các công trình kiến trúc, điêu khắc về nghệ thuật thế giới cổ đại phục vụ bài giảng.

LỚP 7

CHỦ ĐỀ	MỨC ĐỘ CẦN ĐẠT	GHI CHÚ
I. VẼ THEO MẪU		
1. Mẫu vẽ - Khôi cơ bản - Đồ vật	Kiến thức - Nhận biết hình dáng, tỉ lệ, đậm nhạt và đặc điểm của mẫu.	- Tìm chọn mẫu theo hướng dẫn sách giáo khoa hay mẫu có lượng

CHỦ ĐỀ	MỨC ĐỘ CẦN ĐẠT	GHI CHÚ
	- Cùng cố nền nếp vẽ từ bao quát đến chi tiết. Kĩ năng - Vẽ được hình gần sát mẫu theo hướng dẫn. - Biết cách kiểm tra tỉ lệ và vẽ hình cho đúng mẫu. - Vẽ được đậm nhạt chung trong bài vẽ. - Vẽ được các mảng bóng chính.	- Chú ý đến quy trình vẽ theo mẫu. - Ước lượng tỉ lệ bằng mắt. - Chú ý đến phân mảng đậm nhạt ở các hình khối. - Chú ý đến xác định mức độ đậm nhạt ở các chất liệu khác nhau. - Chú ý đến màu sắc của vật mẫu trong tương quan chung.
3. Kí họa	Kiến thức Nắm được khái niệm chung về kí họa. Kĩ năng Kí họa được cây, động vật (đơn giản) bằng nét linh hoạt.	- Minh họa trên bảng. - Minh họa các kí họa đẹp của họa sĩ.
4. Thực hành - Vẽ hai khối cơ bản (khối trụ, khối cầu) - Vẽ hai đồ vật (chai và quả tròn; lọ hoa và quả, hoa lá; ấm tích và cái bát) - Vẽ được nhanh dáng cây, con vật bằng nét	Kiến thức - Hiểu được sự tương quan của các mẫu trong tập hợp về tỉ lệ cao thấp, to nhỏ, đậm nhạt,... - Hiểu được một cách đơn giản diễn biến của bóng trên mẫu. Kĩ năng - Vẽ được hình từ bao quát đến chi tiết. - Hình vẽ tương đối đúng với tỉ lệ (gần	- Đặt mẫu theo vài phương án khác nhau để học sinh nhận ra vẻ đẹp của bố cục. - Minh họa các bài vẽ đẹp.

CHỦ ĐỀ	MỨC ĐỘ CẦN ĐẠT	GHI CHÚ
	với mẫu), tả được đặc điểm của mẫu. Nét vẽ có đậm nhạt. - Vẽ được đậm nhạt chính của mẫu: phân mảng và tìm được mức độ đậm nhạt, màu sắc. Gọi được bóng.	
II. VẼ TRANG TRÍ		
1. Bố cục	Kiến thức - Nắm được các thể thức trang trí áp dụng vào bố cục các bài trang trí ứng dụng,... - Nâng cao hơn kiến thức về bố cục trang trí. Kĩ năng - Biết cách sử dụng các họa tiết vốn cổ dân tộc, họa tiết hoa lá vào các hình trang trí,... một cách hợp lí. - Vẽ được các bài trang trí theo yêu cầu của mỗi bài học, vận dụng được các thể thức trang trí đã học.	- Cùng cố và nâng cao cách vẽ phác các hình mảng trang trí bố cục: cách tìm bố cục trên cơ sở làm phác thảo nhỏ. - Hướng dẫn cách vẽ đậm nhạt trong bố cục trang trí. - Xem các bố cục (bài của học sinh) có chất lượng tốt, hài hòa và các bố cục sai thể thức, bài nặng nề, lỏng lẻo, họa tiết không đều,... để học sinh tham khảo.
2. Màu sắc	Kiến thức - Hiểu được sự hài hòa của màu sắc trong bài vẽ (có hòa sắc nóng hoặc lạnh rõ ràng).	- Phân loại màu nóng, lạnh. Cho học sinh xem các bài mẫu hoặc hiện vật (đĩa, khăn quàng, khay,...) có hòa sắc nóng hoặc lạnh.

CHỦ ĐỀ	MỨC ĐỘ CẦN ĐẠT	GHI CHÚ
	- Hiểu thêm về mảng màu chính, phụ tôn nhau làm tăng vẻ đẹp của bố cục. Kĩ năng - Sử dụng hợp lí các màu để bài vẽ trong sáng và đẹp. - Tìm các hòa sắc trầm, êm dịu, vui mắt, mạnh mẽ,...	- Giáo viên tìm màu và vẽ cho học sinh xem để thấy rõ mối quan hệ giữa mảng phụ và mảng chính. - Kỹ thuật pha màu đơn giản (dùng màu nước, màu bột) đơn giản.
3. Đơn giản và cách điệu hoa lá	Kiến thức - Nâng cao thêm hiểu biết về cách đơn giản và cách điệu hoa lá để có một họa tiết đẹp. - Biết cách ứng dụng họa tiết đã được đơn giản, cách điệu vào bài trang trí. Kĩ năng - Biết cách đơn giản, cách điệu từ hoa lá thật (ở mức đơn giản). - Vẽ được bài trang trí có họa tiết hoa lá đã được đơn giản, cách điệu đáp ứng yêu cầu của bài học.	- Dùng hoa lá thực phân tích. - Cho xem bản vẽ hoa lá tự nhiên (nhiều hoa lá khác nhau), và hoa lá đã đơn giản, cách điệu. - Hướng dẫn phương pháp đơn giản hoa lá (có kết cấu đơn giản). - Hướng dẫn phương pháp cách điệu hoa lá (có kết cấu đơn giản).
4. Kẻ chữ	Kiến thức - Hiểu về ứng dụng của chữ trong trang trí. - Hiểu sâu hơn về kiểu chữ nét đều, chữ nét thanh, nét đậm.	- Biết thêm ngoài hai kiểu chữ cơ bản để có thể kết hợp vào trang trí các loại hình khác như trang trí bìa sách, báo tường, sổ tay cá nhân.

CHỦ ĐỀ	MỨC ĐỘ CẦN ĐẠT	GHI CHÚ
	Kĩ năng - Biết cách dùng chữ cơ bản vào trang trí ứng dụng. - Kẻ được một dòng chữ nét thanh, nét đậm.	- Tìm các biến dạng của hai kiểu chữ sử dụng trên báo chí, khẩu hiệu để làm bài giảng phong phú hơn.
III. VẼ TRANH		
1. Đề tài - Cách vẽ - Bố cục tranh - Hình mảng - Đường nét - Màu sắc	Kiến thức - Hiểu được cách thể hiện nội dung đề tài. - Hiểu được sự đa dạng, phong phú trong cách thể hiện đề tài. - Hiểu kĩ hơn về mối quan hệ giữa nội dung và hình thức trong tranh. Kĩ năng Vẽ được tranh theo nội dung bài học, với các yêu cầu: - Có bố cục hợp lí. - Phản ánh được nội dung đề tài. - Có tỉ lệ hợp lí. - Có ý thức về phối cảnh luật xa gần. - Hình tượng tiêu biểu. - Biết cách pha trộn màu. - Các màu vẽ tạo nên sự hài hòa. - Màu vẽ gợi được ánh sáng và đậm nhạt.	- Gợi ý qua tranh vẽ của các họa sĩ, tranh thiếu nhi cùng lứa tuổi. Diễn tả các ý tứ của đề tài. - Giới thiệu các thể loại tranh. - Xác định trước khuôn khổ của tranh. - Nội dung ý đồ thể hiện bố cục. - Làm theo phác thảo. - Gợi ý để hoàn thiện. - Để học sinh tự vẽ, phát huy sáng tạo. - Gợi ý trên cơ sở khả năng thể hiện của mỗi học sinh. - Màu sắc là cá tính của mỗi học sinh. Mỗi em có ý thích khác nhau. - Quy luật của màu sắc.

CHỦ ĐỀ	MỨC ĐỘ CẦN ĐẠT	GHI CHÚ
2. Thực hành	Làm được bài tập theo yêu cầu của bài.	
IV. THƯỜNG THỨC MỸ THUẬT		
1. Lịch sử mỹ thuật thời phong kiến	Kiến thức - Biết được khái quát về quá trình phát triển, xây dựng nền mỹ thuật thời Trần. - Các giai đoạn phát triển và các công trình mỹ thuật tiêu biểu thời Trần. - Giá trị nghệ thuật kiến trúc, trang trí, điêu khắc thời Trần. Kỹ năng - Nhớ được một số công trình mỹ thuật tiêu biểu (kiến trúc, điêu khắc) thời Trần. - Nêu được vài nét khái quát về đặc điểm mỹ thuật thời Trần.	Giáo viên tìm các tư liệu có liên quan đến lịch sử mỹ thuật thời phong kiến, thời kì trước và sau Cách mạng tháng Tám năm 1945 và lịch sử mỹ thuật thế giới bằng: - Bài viết trong các tạp chí mỹ thuật, hội họa, sách báo,... - Tranh ảnh có liên quan đến bài giảng.
2. Lịch sử mỹ thuật Cách mạng Việt Nam	Kiến thức - Nắm được nội dung chủ yếu trong quá trình xây dựng và phát triển nền mỹ thuật trước và sau Cách mạng tháng Tám năm 1945. - Đi sâu vào từng giai đoạn và sự phát triển nền mỹ thuật.	Đặt các câu hỏi về nội dung nguồn gốc, tiểu sử tác giả, các diễn biến của nền mỹ thuật Việt Nam và thế giới.

CHỦ ĐỀ	MỨC ĐỘ CẦN ĐẠT	GHI CHÚ
	- Vai trò các họa sĩ tham gia vào cuộc Cách mạng tháng Tám năm 1945 và kháng chiến chống thực dân Pháp của dân tộc. Kĩ năng Phân tích được nghệ thuật xây dựng tác phẩm, phong cách sáng tác (bố cục, màu sắc trong một số tranh của các họa sĩ Nguyễn Phan Chánh, Tô Ngọc Vân, Nguyễn Đỗ Cung).	
3. Lịch sử mỹ thuật thế giới	Kiến thức - Hiểu sơ lược về mỹ thuật thời Phục hưng. - Biết được các họa sĩ nổi tiếng trong thời Phục hưng như: Bôt-ti-xen-li, Lê-ô-na đờ Vanh-xi, Ti-xiêng, Mi-ken-lăng-giơ, Ra-pha-en,... và các tác phẩm. Kĩ năng Nêu được sơ lược nội dung một số tranh, tượng của các họa sĩ thời Phục hưng (chú ý đến diễn tả khai thác phong cách của nghệ thuật Hi Lạp - La Mã cổ đại).	Tranh phụ bản và các bài viết về các họa sĩ Ý thời Phục hưng.

CHỦ ĐỀ	MỨC ĐỘ CẦN ĐẠT	GHI CHÚ
I. VẼ THEO MẪU		
1. Mẫu vẽ - Khôi cơ bản - Đồ vật - Hoa quả	Kiến thức Nhận biết mẫu vẽ hình, cấu trúc, tỉ lệ, đậm nhạt, màu sắc. Kĩ năng Phân tích được vẻ đẹp của mẫu.	- Chọn mẫu vẽ có hình dáng đẹp phù hợp với thực tế địa phương. - Học sinh tham gia tìm mẫu vẽ đảm bảo đủ và phong phú.
2. Cách vẽ - Bố cục - Vẽ hình - Đậm nhạt	Kiến thức - Hiểu được hình, đậm nhạt và bóng ở mức độ chung. - Hiểu về bố cục đẹp (không dàn trải) có trọng tâm (xa gần của mẫu). - Hiểu cách sắp xếp hình vẽ phù hợp với trang giấy, tỉ lệ các vật mẫu, tính cân đối của bài vẽ. - Hiểu về đậm nhạt của bài vẽ theo mẫu. (đen trắng, màu), hiểu về nhịp điệu hình mảng trong bố cục. Kĩ năng - Vẽ được bài từ bao quát đến chi tiết, có bố cục chung hợp lí, hình gần sát mẫu. - Vẽ được các độ đậm nhạt chính của mẫu. - Bước đầu biết cách diễn tả chất ở mẫu.	- Đặt mẫu dưới hay ngang tầm mắt có ánh sáng rõ ràng. - Đặt mẫu theo vài phương án khác nhau để học sinh tìm ra vẻ đẹp của mẫu. - Đặt một số nhóm mẫu để học sinh vẽ. - Có nhiều bố cục đẹp. - Ước lượng tỉ lệ bằng so sánh giữa các vật mẫu. - Chú ý đến cách vẽ sáng tối, đậm nhạt ở các chất liệu khác nhau. - Chú ý đến tương quan màu sắc.

CHỦ ĐỀ	MỨC ĐỘ CẦN ĐẠT	GHI CHÚ
3. Thực hành - Vẽ khối cơ bản (khối hộp) - Vẽ đồ vật (lọ và khối hộp, lọ và quả,...) - Mẫu là hai hoặc ba đồ vật	Vẽ được mẫu có hai hoặc ba đồ vật bằng màu theo yêu cầu.	Chú ý đến: - Cách xác định tỉ lệ. - Cách phác hình, phác mảng đậm nhạt. - Cách vẽ đậm nhạt các loại khối. - Cách vẽ màu sắc.
4. Tỉ lệ cơ thể người - Tỉ lệ chung - Tỉ lệ mặt người	Kiến thức - Nắm được dáng chung của người qua tỉ lệ đầu, mình, tay chân. - Hiểu được cách vẽ dáng người theo tỉ lệ: dáng tĩnh, dáng động. - Biết được cấu tạo, tỉ lệ chung của mặt người và hình thái tình cảm (vui, buồn,...) trên nét mặt. Kỹ năng - Vẽ được dáng người ở mức khái quát, đơn giản bằng nét. - Vẽ được chân dung người (hoặc tượng) gần đúng với cấu tạo chung và mẫu ở mức đơn giản bằng chì hoặc màu.	- Hình vẽ minh họa. - Chỉ ra tỉ lệ trên cơ thể người. - Chỉ ra ở thực tế mặt người và hình minh họa (hình vẽ và tranh chân dung của họa sĩ).
5. Thực hành - Vẽ khối cơ bản (hai hoặc ba mẫu) - Vẽ tĩnh vật (hai hoặc ba mẫu)	Kiến thức - Biết cách vẽ theo các bước cơ bản. - Biết cách bố cục các bài mẫu phức tạp. - Hiểu được vẻ đẹp của mẫu.	Học sinh chuẩn bị đồ dùng học tập.

CHỦ ĐỀ	MỨC ĐỘ CẦN ĐẠT	GHI CHÚ
	Kĩ năng - Vẽ được theo các bước cơ bản. - Vẽ được bài mẫu phức tạp bằng chì, màu ở mức độ chung (gần sát với tỉ lệ, đặc điểm mẫu). - Bài vẽ gọi đậm nhạt, sáng tối chính của mẫu.	
II. VẼ TRANG TRÍ		
1. Bố cục	Kiến thức - Nâng cao hơn về kiến thức bố cục trang trí. - Hiểu được sự đa dạng, phong phú của bố cục trong trang trí. Kĩ năng - Vẽ được bài có bố cục đẹp, đáp ứng yêu cầu bài học. - Bố cục thể hiện được yếu tố trang trí về hình vẽ và màu sắc.	- Cùng cố lại cách tìm bố cục trên phác thảo nhỏ. - Giáo viên đưa ra một số bố cục khác nhau trong một hình vuông hoặc hình tròn ứng dụng, sáng tạo. - Xem các bố cục chặt chẽ, bố cục độc đáo (hình, họa tiết, màu).
2. Kẻ chữ	Kiến thức - Hiểu thêm về vai trò của các kiểu chữ trong ứng dụng thực tế. - Hiểu cách bố cục chữ trong một khẩu hiệu hoặc đầu tờ báo, tranh cổ động, bìa sách,...	- Sử dụng sách báo giới thiệu cho học sinh xem về chữ. - Học sinh nghiên cứu các bảng chữ nét đều, bảng chữ nét thanh, nét đậm.

CHỦ ĐỀ	MỨC ĐỘ CẦN ĐẠT	GHI CHÚ
	Kĩ năng - Kẻ được dòng chữ nét đều hoặc nét thanh, nét đậm đúng kiểu: có màu sắc và trang trí đẹp mắt. - Áp dụng được kẻ chữ vào từng loại trang trí báo tường, khẩu hiệu theo yêu cầu của bài học.	- Cách kẻ chữ cho chuẩn (kẻ ô li, dùng ê ke, thước mét). - Cách phân phối chữ trong dòng chữ (ngắn).
3. Trang trí ứng dụng	Kiến thức - Hiểu biết trang trí ứng dụng nhằm đáp ứng nhu cầu thiết yếu trong đời sống con người. - Biết các yếu tố cần thiết khi trang trí ứng dụng cho mỗi thể loại. Kĩ năng - Vẽ được một bài trang trí ứng dụng theo nội dung bài học. - Có cách thể hiện đơn giản, dễ hiểu, đúng yêu cầu bài học.	- Giáo viên phân loại trang trí ứng dụng như: trang trí cái lọ, cái bát, cái ấm, cái đĩa; trang trí vải hoa, trang trí bìa sách, bích báo,... nhằm tìm mỗi loại có đặc trưng riêng về sử dụng và phương pháp trang trí. - Cùng cố lại các thể thức trang trí áp dụng vào trang trí ứng dụng. - Dùng màu cho phù hợp nội dung.
III. VẼ TRANH		
1. Đề tài - Cách vẽ - Bố cục tranh - Hình mảng - Đường nét	Kiến thức - Hiểu nội dung đề tài cụ thể. - Hiểu được những khía cạnh trong cuộc sống.	- Gợi ý bằng hình ảnh của các loại đề tài. - Tìm nhiều tranh mẫu để minh họa.

CHỦ ĐỀ	MỨC ĐỘ CẦN ĐẠT	GHI CHÚ
	- Thấy được đặc điểm vùng miền trong tranh phong cảnh. Kĩ năng - Thể hiện được những yêu cầu cơ bản trong bố cục tranh đề tài. - Gọi được không gian cần thiết của tranh. - Hình mảng, đường nét hài hòa.	- Theo dõi quá trình thể hiện bài vẽ. - Gợi ý và góp ý phương pháp riêng cho mỗi bài, mỗi học sinh. - Biết sử dụng tư liệu qua thực tế đã nhận thức. - Phát huy trí tưởng tượng.
2. Màu sắc	- Gọi được không khí của nội dung tranh đề tài. - Màu sắc nhuần nhuyễn, biểu cảm, hài hòa.	- Sử dụng những hình do bản thân vẽ (kí họa) để đưa vào bài vẽ cho phù hợp. - Chủ yếu để học sinh tự vẽ ở lớp hoặc có thể vẽ tiếp ở nhà.
3. Thực hành	Làm được bài tập theo yêu cầu của bài.	
IV. THƯỜNG THỨC MỸ THUẬT		
1. Lịch sử mỹ thuật thời phong kiến	Kiến thức - Nắm được khái quát quá trình phát triển và xây dựng nền mỹ thuật thời Lê. - Nắm được giai đoạn phát triển và các công trình mỹ thuật tiêu biểu. Kĩ năng Phân tích nghệ thuật trong một số công trình mỹ thuật thời Lê.	Sưu tầm các bài viết và tranh của các thời kì mỹ thuật Việt Nam và mỹ thuật hiện đại thế giới đầu thế kỉ XX.

CHỦ ĐỀ	MỨC ĐỘ CẦN ĐẠT	GHI CHÚ
2. Lịch sử Mĩ thuật Cách mạng Việt Nam	Kiến thức - Những thành tựu của mĩ thuật Việt Nam trong giai đoạn chống Mĩ cứu nước (1954 - 1975). - Sự phát triển của đội ngũ họa sĩ. - Sự phát triển của thể loại, chất liệu trong sáng tác mĩ thuật. - Vai trò của người họa sĩ trong giai đoạn xây dựng chủ nghĩa xã hội ở miền Bắc và đấu tranh giải phóng miền Nam. Kĩ năng - Nêu được một số tác giả, tác phẩm của họa sĩ Việt Nam như: Trần Văn Cẩn, Bùi Xuân Phái, Nguyễn Sáng, Diệp Minh Châu,... - Phân tích tranh vẽ của các họa sĩ trong thời kì này về nội dung, hình thức xây dựng tranh.	- Tìm chân dung các họa sĩ Việt Nam và thế giới có trong bài giảng ở sách giáo khoa. - Đặt các câu hỏi có nội dung trong bài giảng bằng các hình thức: + Trả lời. + Làm theo phiếu trả lời. + Đối đáp lẫn nhau. + Phân tích cái đẹp qua các tác phẩm hội họa.
3. Lịch sử mĩ thuật thế giới	Kiến thức - Nắm được nội dung một số nét chính của nghệ thuật hiện đại phương Tây cuối thế kỉ XIX đầu thế kỉ XX. - Sự ra đời của trường phái Ấn tượng: quá trình phát triển, hình thành của trường phái Ấn tượng.	

CHỦ ĐỀ	MỨC ĐỘ CẦN ĐẠT	GHI CHÚ
	Kĩ năng Nhớ được một số tranh và tiểu sử các họa sĩ trường phái Ấn tượng như: Mô-nê, Sơ-ra, Gô-ganh, Van-gốc,...	

LỚP 9

CHỦ ĐỀ	MỨC ĐỘ CẦN ĐẠT	GHI CHÚ
I. VẼ THEO MẪU		
1. Mẫu vẽ - Lọ hoa, quả - Tượng đầu người, tượng bán thân, toàn thân và các bộ phận	Kiến thức Nhận biết đặc điểm, tỉ lệ, hình dáng của mẫu. Kĩ năng Quan sát và nhận xét được đặc điểm, tỉ lệ, hình dáng của mẫu.	- Có kế hoạch chuẩn bị như: sưu tầm, tìm, chọn,... để có mẫu đẹp hợp nội dung. - Đặt mẫu có trong có ngoài, ngang hay dưới tầm mắt một chút, có nền (phông). - Có sáng tối rõ ràng. - Chú ý giúp học sinh ngay từ khi phác hình. - Giúp học sinh vẽ có nền nếp.
2. Cách vẽ - Bố cục - Vẽ hình	Kiến thức Hiểu cách tiến hành bài vẽ theo các bước cơ bản.	- Cần có hình vẽ và bài vẽ đẹp để minh họa.

CHỦ ĐỀ	MỨC ĐỘ CẦN ĐẠT	GHI CHÚ
II. VẼ TRANG TRÍ		
1. Tạo dáng và trang trí	Kiến thức - Hiểu phương pháp tạo dáng và trang trí làm cho vật thể trở nên đẹp, sinh động hơn. - Hiểu cách tạo dáng đẹp trên cơ sở hợp lí và thuận tiện. - Nâng cao thị hiếu thẩm mĩ đáp ứng yêu cầu của mọi người. Kĩ năng Áp dụng kiến thức trang trí vào thực hành những bài tập cụ thể trong chương trình.	- Cho học sinh tạo dáng một túi xách. - Tập phóng tranh, ảnh. - Vẽ huy hiệu, trang trí thời trang. - Trang trí lớp học.
2. Thực hành	Tạo dáng và trang trí được một đồ vật thông dụng, thuận mắt, đẹp.	
III. VẼ TRANH		
1. Đề tài - Cách vẽ - Bố cục tranh - Hình mảng - Đường nét - Màu sắc	Kiến thức Hiểu nội dung đề tài và bố cục, màu sắc trong tranh. Kĩ năng - Vẽ tranh theo đề tài có sẵn hoặc tự chọn nội dung đề tài. - Nêu bật được ý định nội dung của tranh. - Thể hiện kiến thức về bố cục tranh.	- Giới thiệu một số tranh mẫu cùng đề tài. - Không để học sinh bắt chước. - Cùng cố những yêu cầu cơ bản và nguyên tắc chung trong bố cục tranh sinh hoạt, tranh phong cảnh. - Nhấn mạnh ý nghĩa của việc quan

CHỦ ĐỀ	MỨC ĐỘ CẦN ĐẠT	GHI CHÚ
2. Lịch sử mỹ thuật truyền thống Việt Nam	Kiến thức - Nắm được hai thể loại: + Chạm khắc gỗ đình làng Việt Nam. + Mỹ thuật các dân tộc ít người Việt Nam. - Xuất xứ và vị trí của chạm khắc cổ. - Tìm hiểu mỹ thuật của các dân tộc ít người Việt Nam. Kỹ năng Phân tích được giá trị nghệ thuật điêu khắc cổ Việt Nam và giá trị của mỹ thuật các dân tộc thiểu số Việt Nam.	- Thu hoạch về buổi tham quan bằng các hình thức: giáo viên tóm tắt, đặt câu hỏi có nội dung trong bài học. - Xem các ảnh tư liệu chụp ở các đình, chùa.
3. Lịch sử mỹ thuật đương đại Việt Nam	Kiến thức - Biết được các hoạt động mỹ thuật trong bối cảnh đất nước thống nhất. - Họa sĩ và sự chuyển biến với giai đoạn Cách mạng mới. - Sự ra đời của các tác phẩm mỹ thuật mang tính thời đại, tính Đảng, tính dân tộc. - Sự phát triển đa dạng của mỹ thuật Việt Nam. Kỹ năng Nêu một số tác phẩm có nhiều khuynh hướng tìm tòi trong nền mỹ thuật thời kì đổi mới.	Sưu tầm tranh, ảnh, tiểu sử các họa sĩ có tác phẩm trong sách giáo khoa để giảng.

CHỦ ĐỀ	MỨC ĐỘ CẦN ĐẠT	GHI CHÚ
4. Lịch sử mỹ thuật thế giới	Kiến thức - Biết một số nền mỹ thuật tiêu biểu châu Á thông qua tác phẩm (Trung Quốc, Nhật Bản, Ấn Độ, Lào, Cam-pu-chia). - Hiểu được một số tác phẩm của một số tác giả tiêu biểu có phong cách Á đông như: Tề Bạch Thạch, Từ Bi Hồng (Trung Quốc), Hô Ku Xai (Nhật Bản),... Kĩ năng Giới thiệu nét độc đáo của tác phẩm kiến trúc, hội họa, đồ họa của một số nước châu Á.	- Giới thiệu một số công trình, tác phẩm mỹ thuật của một số nước châu Á. - Sưu tầm về những bài viết và tranh phiên bản về nghệ thuật châu Á để học sinh tham khảo.

IV. GIẢI THÍCH - HƯỚNG DẪN

1. Quan điểm xây dựng và phát triển chương trình

a) Giáo dục thẩm mỹ

Giáo dục thẩm mỹ thông qua các hoạt động thực hành mỹ thuật trong chương trình bao gồm: nội dung kiến thức và phương pháp dạy học.

b) Tính phổ cập

Cung cấp kiến thức cơ bản ban đầu về mỹ thuật, giúp cho học sinh tiếp nhận và áp dụng dễ dàng vào học tập, sinh hoạt trong cuộc sống, có sự linh hoạt để đảm bảo tính khả thi cho mọi vùng, miền, phù hợp với hoàn cảnh thực tiễn của giáo dục Việt Nam.

c) Tính ứng dụng

Tạo điều kiện cho học sinh vận dụng những kiến thức, kĩ năng đã học vào học tập và thực tiễn cuộc sống; bước đầu thấy được giá trị của mỹ thuật truyền thống của địa phương cũng như mỹ thuật của đất nước và thế giới.

d) Tính liên thông

Môn Mỹ thuật được xây dựng trên cơ sở khoa học, đảm bảo tính đồng tâm và phát triển theo cấp học đồng thời đảm bảo tính logic với các môn học khác.

e) Tăng cường thực hành

Chương trình được xây dựng trên cơ sở tỉ lệ 4/5 thời lượng cho thực hành nhằm rèn luyện kĩ năng và bồi dưỡng khả năng cảm thụ thẩm mỹ cho học sinh.

2. Về phương pháp dạy học

Dạy học Mỹ thuật ở trường phổ thông lấy hoạt động thực hành là chủ yếu. Thông qua thực hành học sinh sẽ hiểu và cảm nhận vẻ đẹp của thiên nhiên, cuộc sống và các tác phẩm nghệ thuật; biết vận dụng những hiểu biết về cái đẹp vào học tập sinh hoạt hằng ngày. Như vậy, dạy học Mỹ thuật ở trường phổ thông là dạy và học về cảm thụ cái đẹp thông qua các bài thực hành.

Các phương pháp thường vận dụng trong dạy học Mỹ thuật:

- Phương pháp quan sát.
- Phương pháp trực quan.
- Phương pháp gợi mở, vấn đáp.
- Phương pháp luyện tập.
- Phương pháp hợp tác theo nhóm.
- Phương pháp trò chơi.

Mỗi phương pháp dạy học đều có những ưu điểm và hạn chế nhất định. Điều đó phụ thuộc vào người vận dụng. Dù vận dụng phương pháp dạy học nào, giáo viên cần lưu ý phát huy tính tích cực của cá nhân trong suy nghĩ, tìm tòi, sáng tạo để học sinh chủ động lĩnh hội kiến thức.

Dạy học Mỹ thuật cần có các phương tiện và thiết bị dạy học như sau:

- Phòng học có đủ ánh sáng và được trang bị giá vẽ, bục bày mẫu, bàn vẽ,...
- Mẫu vẽ gồm các hình khối cơ bản, tượng phác mảng, tượng chân dung,... (bằng thạch cao hoặc các chất liệu khác); các đồ vật, bình hoa, chai lọ bằng gốm, thủy tinh,...
- Tranh mẫu và băng đĩa hình hướng dẫn cách vẽ; tranh phiên bản của các tác giả, tác phẩm tiêu biểu về mỹ thuật (hội họa, kiến trúc, điêu khắc) Việt Nam và thế giới.
- Giấy vẽ, màu các loại, bút chì, tẩy cho giáo viên và học sinh.
- Sách chuyên môn, tài liệu tham khảo, sách giáo viên, sách giáo khoa cho giáo viên và học sinh.
- Thiết bị dạy học theo nội dung bài học do giáo viên tự làm phù hợp với khả năng và điều kiện ở mỗi địa phương.

3. Về đánh giá kết quả học tập của học sinh

- Đánh giá kết quả học tập của học sinh không chỉ căn cứ theo kết quả bài học mà còn được đánh giá thông qua các hoạt động học tập trong quá trình dạy học.
- Đánh giá kết quả học Mỹ thuật của học sinh cần lưu ý:
 - + Căn cứ vào mục tiêu môn Mỹ thuật, mục tiêu cụ thể của từng bài và chuẩn kiến thức, kỹ năng.
 - + Hình thức thể hiện ở bài vẽ là nhận thức, kỹ năng và cách vẽ riêng của mỗi học sinh.
 (Học sinh cần được tham gia tích cực vào việc đánh giá kết quả học tập; giáo viên là người tổ chức, hướng dẫn và rút ra kết luận.)
- Ở Trung học cơ sở, việc đánh giá kết quả học tập môn Mỹ thuật theo các mức độ sau:
 - + Giỏi
 - + Khá
 - + Đạt
 - + Chưa đạt

4. Về việc vận dụng chương trình theo vùng miền và các đối tượng học sinh

Việc dạy và học Mỹ thuật ở các vùng miền, các trường chuyên biệt được thực hiện theo hướng dẫn của Bộ Giáo dục và Đào tạo.

Cần đảm bảo để học sinh đạt được chuẩn kiến thức, kỹ năng của bộ môn. Những học sinh có năng khiếu về mỹ thuật hoặc có nhu cầu học Mỹ thuật sâu hơn cần được khuyến khích và được tạo điều kiện để phát triển năng khiếu.

I. MỤC TIÊU

Học xong môn Công nghệ ở Trung học cơ sở, học sinh cần đạt được:

1. Về kiến thức

- Biết được những kiến thức ban đầu về may mặc, nấu ăn, trang trí nhà ở, thu chi trong gia đình, trồng trọt, chăn nuôi, vẽ kĩ thuật, cơ khí và kĩ thuật điện.

- Biết được quy trình và kĩ thuật thực hiện một số công việc đơn giản thuộc các lĩnh vực trên.

2. Về kĩ năng

Làm được một số công việc đơn giản thuộc các lĩnh vực may mặc, nấu ăn, trang trí nhà ở, thu chi trong gia đình, trồng trọt, chăn nuôi, vẽ kĩ thuật, cơ khí, kĩ thuật điện đúng quy trình và đạt yêu cầu về kĩ thuật.

3. Về thái độ

- Có hứng thú kĩ thuật, có thói quen lao động theo kế hoạch, tuân thủ quy trình công nghệ, an toàn lao động và bảo vệ môi trường.

- Bước đầu hình thành tác phong công nghiệp trong lao động và cuộc sống.

II. NỘI DUNG

1. Kế hoạch dạy học

Lớp	Số tiết/tuần	Số tuần	Tổng số tiết/năm
6	2	35	70
7	1,5	35	52,5
8	1,5	35	52,5
9	1	35	35
Cộng (toàn cấp)		140	210

2. Nội dung dạy học từng lớp

LỚP 6

KINH TẾ GIA ĐÌNH

$2\text{tiết/tuần} \times 35\text{ tuần} = 70\text{ tiết}$

1. May mặc trong gia đình

- Các loại vải thường dùng trong may mặc.
- Lựa chọn, sử dụng và bảo quản trang phục.
- Cắt, khâu một số sản phẩm đơn giản.

2. Trang trí nhà ở

- Sắp xếp đồ đạc hợp lí trong nhà ở.
- Trang trí nhà ở.

3. Nấu ăn trong gia đình

- Cơ sở ăn uống hợp lí và vệ sinh an toàn thực phẩm.
- Bảo quản chất dinh dưỡng trong chế biến và các phương pháp chế biến thực phẩm.
- Tổ chức bữa ăn hợp lí trong gia đình.

4. Thu chi trong gia đình

- Thu nhập của gia đình.
- Chi tiêu trong gia đình.

LỚP 7**NÔNG, LÂM, NGƯ NGHIỆP** $1,5 \text{ tiết/tuần} \times 35 \text{ tuần} = 52,5 \text{ tiết}$ **1. Trồng trọt**

- Vai trò, nhiệm vụ của trồng trọt.
- Đại cương về kĩ thuật trồng trọt: đất trồng, phân bón, giống cây trồng, sâu bệnh hại cây trồng.
- Quy trình sản xuất và bảo vệ môi trường trong trồng trọt.

2. Lâm nghiệp

- Vai trò của rừng, nhiệm vụ trồng rừng ở nước ta.
- Kĩ thuật trồng và chăm sóc cây rừng.
- Khai thác và bảo vệ rừng.

3. Chăn nuôi

- Vai trò và nhiệm vụ của chăn nuôi.
- Đại cương về kĩ thuật chăn nuôi: giống vật nuôi; thức ăn vật nuôi.
- Quy trình sản xuất và bảo vệ môi trường trong chăn nuôi.

4. Thủy sản

- Vai trò và nhiệm vụ của nuôi thủy sản.
- Đại cương về kĩ thuật nuôi thủy sản: môi trường nuôi thủy sản; thức ăn nuôi động vật thủy sản.
- Chăm sóc, quản lí và bảo vệ môi trường nuôi thủy sản.

LỚP 8
CÔNG NGHIỆP
 $1,5 \text{ tiết/tuần} \times 35 \text{ tuần} = 52,5 \text{ tiết}$

1. Vẽ kỹ thuật

- Vai trò của vẽ kỹ thuật trong sản xuất và đời sống.
- Bản vẽ các khối hình học.
- Bản vẽ kỹ thuật đơn giản.

2. Cơ khí

- Vai trò của cơ khí trong sản xuất và đời sống.
- Vật liệu, dụng cụ và một số phương pháp gia công cơ khí bằng tay.
- Chi tiết máy và lắp ghép.
- Truyền và biến đổi chuyển động.

3. Kỹ thuật điện

- Vai trò của điện năng trong sản xuất và đời sống.
- An toàn điện.
- Vật liệu kỹ thuật điện.
- Đồ dùng điện trong gia đình.
- Mạng điện trong nhà.

LỚP 9

(Các môđun tự chọn, chọn 1 trong số các môđun sau)

CẮT MAY

$1 \text{ tiết/tuần} \times 35 \text{ tuần} = 35 \text{ tiết}$

1. Giới thiệu công việc cắt may.
2. Vật liệu, dụng cụ và thiết bị của nghề cắt may.
3. Một số đường may máy cơ bản.
4. Bản vẽ cắt may.
5. Quy trình và kỹ thuật cắt may một số sản phẩm đơn giản.
6. Một số kiểu cổ áo không bâu và có bâu.
7. Cắt, may một số sản phẩm đơn giản.

NẤU ĂN

$1 \text{ tiết/tuần} \times 35 \text{ tuần} = 35 \text{ tiết}$

1. Giới thiệu công việc nấu ăn.
2. Dụng cụ, thiết bị nhà bếp và an toàn lao động trong nấu ăn.
3. Tổ chức bữa liên hoan, bữa tiệc.
4. Chế biến món ăn cho bữa liên hoan, bữa tiệc.

ĐAN LEN
1 tiết/tuần × 35 tuần = 35 tiết

1. Giới thiệu công việc đan len.
2. Vật liệu và dụng cụ đan len.
3. Kỹ thuật đan len cơ bản.
4. Quy trình đan sản phẩm.
5. Đan một số sản phẩm đơn giản.

LÀM HOA, CẮM HOA
1 tiết/tuần × 35 tuần = 35 tiết

1. Giới thiệu công việc làm hoa, cắm hoa.
2. Làm hoa
 - Vật liệu, dụng cụ làm hoa.
 - Kỹ thuật làm hoa cơ bản.
 - Quy trình làm một số loại hoa.
 - Làm một số loại hoa thông dụng.
3. Cắm hoa
 - Vật liệu, dụng cụ cắm hoa.
 - Kỹ thuật cắm hoa cơ bản.
 - Quy trình cắm hoa trang trí.
 - Thực hành một số dạng cắm hoa trang trí.

THÊU

$1 \text{ tiết/tuần} \times 35 \text{ tuần} = 35 \text{ tiết}$

1. Giới thiệu công việc thêu.
2. Vật liệu, dụng cụ thêu.
3. Một số kĩ thuật thêu cơ bản.
4. Quy trình thêu sản phẩm.
5. Thêu một số sản phẩm.

QUẦN MÁY BIẾN ÁP MỘT PHA

$1 \text{ tiết/tuần} \times 35 \text{ tuần} = 35 \text{ tiết}$

1. Giới thiệu công việc quần máy biến áp.
2. An toàn lao động; thiết bị, dụng cụ, vật liệu.
3. Quy trình và kĩ thuật quần máy biến áp một pha công suất nhỏ.
4. Quần máy biến áp một pha công suất nhỏ.

LẮP ĐẶT MẠNG ĐIỆN TRONG NHÀ

$1 \text{ tiết/tuần} \times 35 \text{ tuần} = 35 \text{ tiết}$

1. Giới thiệu công việc lắp đặt mạng điện trong nhà.
2. An toàn lao động; thiết bị, dụng cụ và vật liệu.

3. Quy trình và kỹ thuật lắp đặt mạng điện.

4. Lắp đặt một số mạch điện đơn giản của mạng điện trong nhà.

LẮP ĐẶT MẠCH ĐIỆN TRANG TRÍ, BÁO HIỆU

$1 \text{ tiết/tuần} \times 35 \text{ tuần} = 35 \text{ tiết}$

1. Giới thiệu công việc lắp đặt mạch điện trang trí, báo hiệu.

2. An toàn lao động; thiết bị, dụng cụ và vật liệu.

3. Quy trình và kỹ thuật lắp đặt mạch điện trang trí, báo hiệu.

4. Lắp đặt một số mạch trang trí và báo hiệu đơn giản.

GÒ KIM LOẠI

$1 \text{ tiết/tuần} \times 35 \text{ tuần} = 35 \text{ tiết}$

1. Giới thiệu công việc gò kim loại.

2. An toàn lao động; thiết bị, dụng cụ và vật liệu.

3. Bản vẽ khai triển và cắt phôi.

4. Quy trình và kỹ thuật gò.

5. Hoàn thiện sản phẩm gò.

6. Gò một số sản phẩm đơn giản.

SỬA CHỮA XE ĐẠP
1 tiết/tuần × 35 tuần = 35 tiết

1. Giới thiệu công việc sửa chữa xe đạp.
2. Cấu tạo và nguyên lý chuyển động của xe đạp.
3. Dụng cụ, vật liệu.
4. Bảo dưỡng xe đạp.
5. Sửa chữa xe đạp.



GIA CÔNG GỖ
1 tiết/tuần × 35 tuần = 35 tiết

1. Giới thiệu công việc gia công gỗ.
2. An toàn lao động; thiết bị, dụng cụ và vật liệu.
3. Bản vẽ lắp và bản vẽ chi tiết.
4. Quy trình và kỹ thuật gia công sản phẩm gỗ.
5. Hoàn thiện sản phẩm.
6. Làm một số sản phẩm đơn giản.

SOẠN THẢO VĂN BẢN BẰNG MÁY VI TÍNH
1 tiết/tuần × 35 tuần = 35 tiết

1. Giới thiệu công việc soạn thảo văn bản.
2. Cấu tạo và nguyên lý làm việc của máy vi tính.
3. Một số lệnh làm việc với tệp.
4. Soạn thảo và in văn bản theo mẫu.

TRỒNG LÚA
1 tiết/tuần × 35 tuần = 35 tiết

1. Giới thiệu công việc trồng lúa.
2. Đặc điểm thực vật và yêu cầu ngoại cảnh.
3. Quy trình và kỹ thuật trồng lúa.
4. Làm một số khâu trong quy trình trồng lúa.

TRỒNG HOA
1 tiết/tuần × 35 tuần = 35 tiết

1. Giới thiệu công việc trồng hoa.
2. Đặc điểm thực vật và yêu cầu ngoại cảnh.
3. Quy trình và kỹ thuật trồng hoa.
4. Làm một số khâu trong quy trình trồng hoa.

TRỒNG CÂY RỪNG
1 tiết/tuần × 35 tuần = 35 tiết

1. Giới thiệu công việc trồng cây rừng.
2. Đặc điểm thực vật và yêu cầu ngoại cảnh.
3. Quy trình và kỹ thuật trồng cây rừng.
4. Làm một số khâu trong quy trình trồng cây rừng.

TRỒNG CÂY ĂN QUẢ

$1 \text{ tiết/tuần} \times 35 \text{ tuần} = 35 \text{ tiết}$

1. Giới thiệu công việc trồng cây ăn quả.
2. Đặc điểm thực vật và yêu cầu ngoại cảnh.
3. Quy trình và kỹ thuật trồng cây ăn quả.
4. Làm một số khâu trong quy trình trồng cây ăn quả.

NUÔI THỦY SẢN

$1 \text{ tiết/tuần} \times 35 \text{ tuần} = 35 \text{ tiết}$

1. Giới thiệu công việc nuôi thủy sản.
2. Một số đặc điểm sinh học của vật nuôi thủy sản.
3. Quy trình và kỹ thuật nuôi thủy sản.
4. Làm một số khâu trong quy trình nuôi thủy sản.

III. CHUẨN KIẾN THỨC, KĨ NĂNG

LỚP 6 KINH TẾ GIA ĐÌNH

CHỦ ĐỀ	MỨC ĐỘ CẦN ĐẠT	GHI CHÚ
1. May mặc trong gia đình		

CHỦ ĐỀ	MỨC ĐỘ CẦN ĐẠT	GHI CHÚ
Các loại vải thường dùng trong may mặc	Kiến thức Biết được nguồn gốc, tính chất của các loại vải. Kĩ năng Phân biệt được các loại vải.	- Vải sợi thiên nhiên, vải sợi hóa học, vải sợi pha. - Phân biệt bằng cách sờ vải, đốt sợi vải và đọc thành phần sợi dệt.
Lựa chọn, sử dụng và bảo quản trang phục	Kiến thức - Biết được ảnh hưởng màu sắc, hoa văn của vải, kiểu mẫu quần áo đến vóc dáng người mặc và biết cách phối hợp trang phục hợp lí. - Hiểu được cách sử dụng trang phục phù hợp với hoạt động, môi trường xã hội. - Hiểu được ý nghĩa các kí hiệu quy định về giặt, là, tẩy, hấp các sản phẩm may mặc. Kĩ năng - Chọn được vải, kiểu mẫu để may trang phục hoặc chọn áo, quần may sẵn phù hợp với vóc dáng, lứa tuổi. - Sử dụng hợp lí và bảo quản trang phục đúng kĩ thuật. Thái độ Có ý thức sử dụng trang phục hợp lí để tiết kiệm chi tiêu.	
Cắt, khâu một số sản phẩm đơn giản	Kiến thức Biết được cách vẽ, cắt và quy trình khâu một số sản phẩm đơn giản. Kĩ năng Cắt, khâu được một số sản phẩm đơn giản.	Một số sản phẩm: bao tay trẻ sơ sinh, vỏ gối hình chữ nhật hoặc sản phẩm có mức độ tương tự.

CHỦ ĐỀ	MỨC ĐỘ CẦN ĐẠT	GHI CHÚ
2. Trang trí nhà ở Sắp xếp đồ đạc hợp lí trong nhà ở	Kiến thức - Biết được cách sắp xếp đồ đạc trong nhà ở. - Biết cách giữ gìn nhà ở sạch sẽ, ngăn nắp. Kĩ năng Sắp xếp được chỗ ở, nơi học tập của bản thân ngăn nắp, sạch sẽ. Thái độ Có ý thức giữ gìn nhà ở sạch đẹp và sắp xếp đồ đạc hợp lí.	Nhà ở của một số vùng, miền ở Việt Nam.
Trang trí nhà ở	Kiến thức - Biết được công dụng, cách lựa chọn một số đồ vật để trang trí nhà ở. - Biết được nguyên tắc cơ bản, vật liệu, dụng cụ và quy trình cắm hoa. - Biết được cách cắm hoa một số dạng cơ bản. Kĩ năng - Trang trí được nhà ở bằng một số đồ vật, cây cảnh và hoa. - Thực hiện được một số dạng cắm hoa phù hợp với vị trí trang trí. Thái độ Hứng thú làm các công việc trang trí nhà ở.	Trang trí nhà ở bằng cây cảnh, hoa và một số đồ vật (tranh, ảnh, gương, rèm, màn,...).
3. Nấu ăn trong gia đình Cơ sở ăn uống hợp lí và vệ sinh an toàn thực phẩm	Kiến thức - Biết được vai trò của các chất dinh dưỡng, nhu cầu dinh dưỡng của cơ thể. - Biết được ý nghĩa của việc phân chia thức ăn thành các nhóm và giá trị dinh dưỡng của từng nhóm.	Chú ý hậu quả của sự thừa và thiếu dinh dưỡng đối với cơ thể.

CHỦ ĐỀ	MỨC ĐỘ CẦN ĐẠT	GHI CHÚ
	- Hiểu được nguyên nhân gây ngộ độc thức ăn, các biện pháp bảo đảm vệ sinh an toàn thực phẩm và phòng tránh ngộ độc thức ăn. Kĩ năng - Lựa chọn được thực phẩm ở các nhóm thức ăn cân đối, hợp lí. - Thay thế được các loại thức ăn trong cùng nhóm để đảm bảo cân bằng dinh dưỡng; - Thực hiện được việc bảo đảm vệ sinh an toàn thực phẩm, phòng tránh ngộ độc thức ăn tại gia đình. Thái độ Quan tâm tới vấn đề giữ gìn vệ sinh an toàn thực phẩm.	
Bảo quản chất dinh dưỡng trong chế biến và các phương pháp chế biến thực phẩm	Kiến thức - Biết được ý nghĩa và cách bảo quản chất dinh dưỡng khi chế biến món ăn. - Hiểu được khái niệm, quy trình thực hiện, yêu cầu kĩ thuật của các phương pháp chế biến thực phẩm có và không sử dụng nhiệt. Kĩ năng - Thực hiện được một số công việc để hạn chế hao hụt chất dinh dưỡng của một số loại thực phẩm khi chế biến. - Chế biến được một số món ăn đơn giản trong gia đình. Thái độ Tích cực giữ vệ sinh môi trường và an toàn trong chế biến thực phẩm.	Chỉ yêu cầu thực hành chế biến một số món ăn không sử dụng nhiệt tại lớp.
Tổ chức bữa ăn hợp lí trong gia đình	Kiến thức - Biết được khái niệm bữa ăn hợp lí; nguyên tắc tổ chức bữa ăn và phân chia số bữa ăn trong ngày.	Quy trình tổ chức bữa ăn: - Xây dựng thực đơn;

CHỦ ĐỀ	MỨC ĐỘ CẦN ĐẠT	GHI CHÚ
	- Hiểu được cách thực hiện quy trình tổ chức bữa ăn. Kĩ năng - Phân chia và tổ chức được bữa ăn trong ngày hợp lí, phù hợp với điều kiện tài chính và nhu cầu của các thành viên trong gia đình. - Xây dựng được thực đơn bữa cơm thường và liên hoan đơn giản. Thái độ Có ý thức vận dụng các kiến thức đã học vào cuộc sống và làm việc theo quy trình.	- Lựa chọn thực phẩm cho thực đơn; - Chế biến món ăn; - Trình bày và thu dọn bàn ăn.
4. Thu chi trong gia đình Thu nhập của gia đình	Kiến thức - Biết được khái niệm thu nhập, nguồn thu nhập của các hộ gia đình ở thành phố và nông thôn. - Hiểu được các biện pháp tăng thu nhập gia đình. Kĩ năng Làm được một số công việc góp phần tăng thu nhập gia đình. Thái độ Tích cực tham gia làm các công việc vừa sức trong gia đình.	Nguồn thu nhập của hộ gia đình thành phố chủ yếu bằng tiền; của hộ gia đình nông thôn chủ yếu bằng hiện vật.
Chi tiêu trong gia đình	Kiến thức - Biết được khái niệm và các khoản chi tiêu trong gia đình. - Hiểu được các công việc cần làm để bảo đảm cân đối thu, chi trong gia đình. Kĩ năng Lập được kế hoạch chi tiêu của bản thân.	Làm được bài tập tình huống về thu, chi trong gia đình.

CHỦ ĐỀ	MỨC ĐỘ CẦN ĐẠT	GHI CHÚ
	Thái độ Quan tâm tới việc tiết kiệm chi tiêu và làm các công việc vừa sức giúp đỡ gia đình.	

LỚP 7
NÔNG, LÂM, NGƯ NGHIỆP

CHỦ ĐỀ	MỨC ĐỘ CẦN ĐẠT	GHI CHÚ
1. Trồng trọt Đất trồng	Kiến thức - Biết được vai trò và nhiệm vụ của trồng trọt. - Biết được khái niệm, thành phần và một số tính chất của đất trồng. - Hiểu được ý nghĩa, tác dụng của các biện pháp sử dụng, cải tạo, bảo vệ đất trồng. Kĩ năng Xác định được thành phần cơ giới và độ pH của đất bằng phương pháp đơn giản. Thái độ Có ý thức bảo vệ tài nguyên môi trường đất.	- Một số thành phần của đất: thành phần cơ giới của đất, kết cấu đất, độ chua và độ phì nhiêu của đất. - Xác định thành phần cơ giới của đất bằng phương pháp vê tay. - Xác định độ pH bằng phương pháp so màu.
Phân bón	Kiến thức - Biết được một số loại phân bón và tác dụng của chúng đối với cây trồng và đất.	

CHỦ ĐỀ	MỨC ĐỘ CẦN ĐẠT	GHI CHÚ
	- Biết được các cách bón phân và sử dụng, bảo quản một số loại phân bón thông thường. Kĩ năng Nhận dạng được một số loại phân vô cơ thường dùng bằng phương pháp hòa tan trong nước và phương pháp đốt trên ngọn lửa đèn cồn. Thái độ Có ý thức tiết kiệm, tận dụng các loại phân bón và bảo vệ môi trường.	Một số loại phân vô cơ, hữu cơ: phân đạm, lân, kali, phân chuồng, phân xanh.
Giống cây trồng	Kiến thức - Biết được vai trò và các tiêu chí của giống cây trồng tốt. - Biết được một số phương pháp chọn tạo giống, quy trình sản xuất giống và cách bảo quản hạt giống cây trồng. - Biết được một số phương pháp nhân giống vô tính. Kĩ năng Xác định được sức nảy mầm, tỉ lệ nảy mầm và xử lí hạt giống bằng nước ấm. Thái độ Có ý thức bảo quản giống cây trồng.	- Phương pháp chọn tạo giống: phương pháp chọn lọc, lai tạo, gây đột biến. - Phương pháp giâm, chiết cành, ghép cành, ghép mắt.
Sâu, bệnh hại cây trồng	Kiến thức - Biết được khái niệm tác hại của sâu, bệnh hại cây trồng. - Hiểu được các nguyên tắc, nội dung của một số biện pháp phòng trừ sâu, bệnh.	Một số biện pháp: phòng trừ bằng kĩ thuật canh tác, thủ công, sinh vật và hóa học.

CHỦ ĐỀ	MỨC ĐỘ CẦN ĐẠT	GHI CHÚ
	Kĩ năng Nhận dạng được một số dạng thuốc và đọc được nhãn hiệu của thuốc trừ sâu, bệnh (màu sắc, dạng thuốc, tên, độ độc, cách sử dụng). Thái độ Có ý thức thực hiện an toàn lao động và bảo vệ môi trường.	
Quy trình sản xuất và bảo vệ môi trường trong trồng trọt	Kiến thức - Hiểu được cơ sở khoa học, ý nghĩa thực tế của quy trình sản xuất và bảo vệ môi trường trong trồng trọt. - Biết được khái niệm về thời vụ, những căn cứ để xác định thời vụ, mục đích kiểm tra xử lí hạt giống. - Biết được khái niệm, tác dụng của phương thức luân canh, xen canh tăng vụ. Kĩ năng Làm được các công việc xác định sức nảy mầm, tỉ lệ nảy mầm và xử lí hạt giống bằng nước ấm. Thái độ Tích cực vận dụng kiến thức đã học vào sản xuất và bảo vệ môi trường.	- Nêu các căn cứ về thời tiết, cây trồng và sâu, bệnh. - Quy trình sản xuất: làm đất, bón phân lót, gieo trồng, chăm sóc, thu hoạch, bảo quản và chế biến.
2. Lâm nghiệp Kĩ thuật gieo trồng và chăm sóc cây rừng	Kiến thức - Biết được vai trò của rừng và nhiệm vụ trồng rừng. - Biết được quy trình gieo ươm, trồng cây con và chăm sóc cây rừng.	

CHỦ ĐỀ	MỨC ĐỘ CẦN ĐẠT	GHI CHÚ
	Kĩ năng Gieo được hạt và cấy cây đúng kĩ thuật. Thái độ Tham gia tích cực trong việc trồng, chăm sóc, bảo vệ cây rừng và môi trường sinh thái.	
Khai thác và bảo vệ rừng	Kiến thức - Biết được khái niệm, các điều kiện khai thác rừng và các biện pháp phục hồi sau khai thác. - Biết được ý nghĩa, mục đích và biện pháp khoanh nuôi rừng. Thái độ Tích cực trồng, chăm sóc, bảo vệ rừng và môi trường.	
3. Chăn nuôi Giống vật nuôi	Kiến thức - Biết được vai trò, nhiệm vụ của chăn nuôi. - Biết được khái niệm về giống, phân loại giống; khái niệm, phương pháp chọn giống, phương pháp chọn phối, nhân giống thuần chủng. - Biết được khái niệm về sự sinh trưởng, phát dục và các yếu tố ảnh hưởng. Kĩ năng Nhận dạng được một số giống gà, lợn qua quan sát ngoại hình và đo kích thước các chiều.	

CHỦ ĐỀ	MỨC ĐỘ CẦN ĐẠT	GHI CHÚ
Thức ăn vật nuôi	Kiến thức - Biết được nguồn gốc, thành phần và vai trò của chất dinh dưỡng. - Biết được mục đích, phương pháp chế biến, dự trữ và sản xuất một số loại thức ăn giàu protein, glucit, thô xanh. Kĩ năng - Chế biến được thức ăn giàu glucit bằng men và đánh giá chất lượng thức ăn. - Đánh giá được chất lượng thức ăn chế biến bằng phương pháp vi sinh.	- Nhận biết, phân loại thức ăn dựa vào hàm lượng các chất dinh dưỡng. - Đánh giá chất lượng thức ăn chế biến qua màu sắc, mùi, độ pH, nhiệt độ.
Quy trình sản xuất và bảo vệ môi trường trong chăn nuôi	Kiến thức - Biết được vai trò của chuồng nuôi, biện pháp vệ sinh trong chăn nuôi. - Hiểu được kĩ thuật nuôi vật nuôi non, đực giống và cái sinh sản. - Hiểu được nguyên nhân gây bệnh, cách phòng trị bệnh, tác dụng và cách sử dụng vaccin phòng bệnh cho vật nuôi. Kĩ năng Xác định được một số loại vaccin phòng bệnh gia cầm. Sử dụng vaccin phòng bệnh cho gà. Thái độ Có ý thức bảo vệ môi trường trong chăn nuôi.	- Biện pháp vệ sinh môi trường, chuồng nuôi và cơ thể vật nuôi. - Tác dụng của vaccin: trọng tâm là biết cơ chế đơn giản của cơ thể sinh ra kháng thể để chống lại mầm bệnh khi tiêm vaccin.

CHỦ ĐỀ	MỨC ĐỘ CẦN ĐẠT	GHI CHÚ
4. Thủy sản Môi trường nuôi thủy sản	Kiến thức - Biết được vai trò, nhiệm vụ của nuôi thủy sản. - Biết được một số tính chất lí, hóa, sinh của nước nuôi thủy sản. Kĩ năng Xác định được độ trong, độ pH, nhiệt độ của nước nuôi thủy sản. Thái độ Có ý thức bảo vệ nguồn nước và môi trường nuôi thủy sản.	Trọng tâm là mối quan hệ giữa cải tạo nước và đáy ao.
Thức ăn nuôi động vật thủy sản	Kiến thức Biết được các loại thức ăn của tôm, cá và mối quan hệ giữa chúng. Kĩ năng Xác định được các loại thức ăn của tôm, cá. Thái độ Tích cực bảo vệ nguồn thức ăn của động vật thủy sản.	Trọng tâm là sơ đồ đơn giản về mối quan hệ thức ăn, không đi sâu vào cơ chế của mối quan hệ.
Chăm sóc, quản lí, bảo vệ môi trường và nguồn lợi thủy sản	Kiến thức - Biết được kĩ thuật chăm sóc, quản lí và phòng trị bệnh cho tôm, cá. - Biết được các phương pháp thu hoạch, bảo quản chế biến sản phẩm thủy sản. - Biết được ý nghĩa và một số biện pháp bảo vệ môi trường, nguồn lợi thủy sản.	Các biện pháp phòng trị bệnh chung, không đi sâu vào loại tôm, cá cụ thể.

CHỦ ĐỀ	MỨC ĐỘ CẦN ĐẠT	GHI CHÚ
	Thái độ Quan tâm bảo vệ môi trường nuôi thủy sản và nguồn lợi thủy sản.	

LỚP 8
CÔNG NGHIỆP

CHỦ ĐỀ	MỨC ĐỘ CẦN ĐẠT	GHI CHÚ
1. Vẽ kỹ thuật Bản vẽ hình chiếu các khối hình học	Kiến thức - Biết được vai trò của vẽ kỹ thuật đối với sản xuất và đời sống. - Hiểu được khái niệm hình chiếu. - Biết được vị trí các hình chiếu của vật thể. - Biết được bản vẽ hình chiếu của một số khối đa diện, khối tròn xoay thường gặp. Kỹ năng - Đọc được bản vẽ hình chiếu của một số khối đa diện và khối tròn xoay.	Một số khối đa diện và khối tròn xoay: lăng trụ chữ nhật, lăng trụ đều, chóp đều, hình trụ, hình nón, hình cầu.
Bản vẽ kỹ thuật đơn giản	Kiến thức - Biết được các khái niệm về một số loại bản vẽ kỹ thuật thông thường. - Biết được công dụng và nội dung của một số bản vẽ kỹ thuật thông thường. - Biết được quy ước về ren.	Một số bản vẽ kỹ thuật đơn giản: bản vẽ chi tiết có hình cắt và có ren, bản vẽ lắp, bản vẽ hình chiếu nhà.

CHỦ ĐỀ	MỨC ĐỘ CẦN ĐẠT	GHI CHÚ
	Kĩ năng Đọc được một số bản vẽ kĩ thuật đơn giản. Thái độ chung cho chủ đề về kĩ thuật Làm việc theo quy trình, kiên trì, cẩn thận và yêu thích vẽ kĩ thuật.	
2. Cơ khí Vai trò của cơ khí trong sản xuất và đời sống	Kiến thức - Biết được vai trò quan trọng của cơ khí trong sản xuất và đời sống; - Biết được sự đa dạng của sản phẩm cơ khí và quy trình sản xuất ra chúng.	
Vật liệu, dụng cụ và phương pháp gia công cơ khí bằng tay	Kiến thức - Biết được một số vật liệu cơ khí phổ biến và tính chất cơ bản của chúng. - Biết được hình dáng, cấu tạo và vật liệu chế tạo các dụng cụ cầm tay đơn giản trong ngành cơ khí. - Hiểu được quy trình và một số phương pháp gia công cơ khí bằng tay. Kĩ năng Đo, vạch dấu và kiểm tra được kích thước sản phẩm bằng các dụng cụ cầm tay như thước lá, thước cặp, mũi vạch, mũi chấm dấu,...	- Một số vật liệu phổ biến: kim loại đen như sắt, thép, gang; kim loại màu như đồng, nhôm và hợp kim của chúng; vật liệu phi kim loại như chất dẻo, cao su. - Một số phương pháp gia công cơ khí bằng tay như cưa, đục, dũa, khoan.
Chi tiết máy và lắp ghép	Kiến thức - Hiểu được khái niệm và phân biệt chi tiết.	- Một số kiểu lắp ghép chi tiết máy: ghép cố định không

CHỦ ĐỀ	MỨC ĐỘ CẦN ĐẠT	GHI CHÚ
	- Hiểu được một số kiểu lắp ghép chi tiết máy và ứng dụng của chúng trong ngành cơ khí. Kĩ năng Tháo, lắp được một số môi ghép đơn giản.	tháo được và tháo được, ghép động. - Tháo lắp môi ghép đơn giản: ở trục trước và sau xe đạp.
Truyền và biến đổi chuyển động	Kiến thức - Hiểu được khái niệm truyền và biến đổi chuyển động trong cơ khí. - Biết được cấu tạo, nguyên lí làm việc, ứng dụng của một số cơ cấu truyền và biến đổi chuyển động. Kĩ năng Tháo, lắp và xác định được tỉ số truyền của một số bộ truyền động. Thái độ chung cho cả chủ đề cơ khí Có thói quen làm việc theo quy trình, cẩn thận, kiên trì. Thực hiện an toàn lao động, vệ sinh môi trường, yêu thích công việc cơ khí.	Một số cơ cấu truyền và biến đổi chuyển động như bộ truyền động đai, truyền động bánh răng, truyền động xích, bộ biến chuyển động quay thành tịnh tiến, biến chuyển động quay thành chuyển động lắc.
3. Kỹ thuật điện		
Vai trò của điện năng trong sản xuất và đời sống	Kiến thức - Biết được vai trò của điện năng trong sản xuất và đời sống. - Biết được quá trình sản xuất và truyền tải điện năng.	
An toàn điện	Kiến thức - Biết được một số nguyên nhân gây tai nạn điện.	Sơ cứu tai nạn điện được tiến hành theo tình huống giả định ở lớp.

CHỦ ĐỀ	MỨC ĐỘ CẦN ĐẠT	GHI CHÚ
	- Biết được một số biện pháp an toàn điện và cách sơ cứu người bị tai nạn điện. Kĩ năng Sử dụng được một số dụng cụ bảo vệ an toàn điện và sơ cứu được người bị tai nạn điện. Thái độ Nghiêm chỉnh thực hiện các biện pháp bảo vệ an toàn điện trong sử dụng và sửa chữa điện.	
Vật liệu kĩ thuật điện	Kiến thức - Hiểu được khái niệm, đặc tính kĩ thuật và công dụng của một số loại vật liệu kĩ thuật điện thông dụng. - Biết được một số vật liệu cách điện, dẫn điện và dẫn từ thông thường. Kĩ năng Phân loại được một số vật liệu điện thông dụng.	
Đồ dùng điện trong gia đình	Kiến thức - Hiểu được cơ sở phân loại, cấu tạo, nguyên lí làm việc và cách sử dụng một số đồ dùng điện thường dùng trong gia đình. - Hiểu được cách tính điện năng tiêu thụ và sử dụng điện năng một cách hợp lí, tiết kiệm trong gia đình. Kĩ năng Sử dụng được một số đồ dùng điện gia đình đúng yêu cầu kĩ thuật, an toàn và tiết kiệm điện năng. Thái độ Có ý thức tiết kiệm điện năng khi sử dụng đồ dùng điện.	Một số đồ dùng điện thường dùng trong gia đình như đèn điện, bàn là, nồi cơm điện, quạt điện, máy bơm nước, máy biến áp một pha.

CHỦ ĐỀ	MỨC ĐỘ CẦN ĐẠT	GHI CHÚ
Mạng điện trong nhà	Kiến thức - Hiểu được đặc điểm, cấu tạo, một số yêu cầu kỹ thuật của mạng điện trong nhà; chức năng, cấu tạo, nguyên lý làm việc của các thiết bị lấy điện, đóng - cắt, bảo vệ mạch điện. - Biết được khái niệm, cách vẽ sơ đồ nguyên lý và sơ đồ lắp đặt mạch điện đơn giản. - Biết cách thiết kế một mạch điện đơn giản. Kỹ năng - Sử dụng được các thiết bị điện của mạng điện trong nhà đúng kỹ thuật và an toàn điện. - Vẽ được sơ đồ nguyên lý và sơ đồ lắp đặt của một số mạch điện đơn giản. - Thiết kế được một số mạch điện đơn giản. Thái độ Làm việc khoa học, ngăn nắp, an toàn và yêu thích kỹ thuật điện.	Học sinh chọn thiết kế những mạch điện đơn giản với nguồn một chiều hoặc xoay chiều.

LỚP 9

(Chọn 1 trong các môđun sau)

CẮT MAY

CHỦ ĐỀ	MỨC ĐỘ CẦN ĐẠT	GHI CHÚ
1. Giới thiệu công việc cắt may	Kiến thức Biết được vai trò, vị trí của công việc cắt may trong xã hội; đặc điểm, triển vọng phát triển, yêu cầu của công việc đối với người lao động.	

CHỦ ĐỀ	MỨC ĐỘ CẦN ĐẠT	GHI CHÚ
	Thái độ Yêu thích học công việc cắt may.	
2. Vật liệu, dụng cụ, thiết bị cắt may	Kiến thức - Biết được đặc điểm của các loại vật liệu dùng trong may mặc. - Biết được cấu tạo và cách sử dụng các dụng cụ, thiết bị cắt may. Kỹ năng - Lựa chọn được vật liệu may phù hợp với sản phẩm. - Sử dụng được các dụng cụ, thiết bị cắt may đúng kỹ thuật và an toàn.	- Vật liệu: vải và phụ liệu. - Dụng cụ: kéo, thước, phấn may, kim, dùi, bàn là. - Thiết bị: máy may đạp chân.
3. Một số đường may máy cơ bản	Kiến thức Biết được quy trình may một số đường may máy cơ bản. Kỹ năng May được một số đường may máy cơ bản đúng kỹ thuật.	Các đường may máy cơ bản: may can và may viền.
4. Bản vẽ cắt may	Kiến thức - Biết được một số tiêu chuẩn vẽ kỹ thuật vận dụng vào bản vẽ cắt may. - Biết cách đọc bản vẽ cắt may đơn giản. Kỹ năng Đọc được một số bản vẽ cắt may đơn giản.	Tiêu chuẩn về đường nét, chữ và số, ghi kích thước.
5. Quy trình và kỹ thuật cắt may sản phẩm	Kiến thức Biết được cách lấy số đo, tính vải, vẽ, cắt và quy trình may một số sản phẩm đơn giản; cách vẽ, cắt, may một số kiểu cổ áo không bâu và có bâu.	May được hai sản phẩm đơn giản: quần đùi hoặc quần dài; áo tay liền với kiểu cổ tự chọn.

CHỦ ĐỀ	MỨC ĐỘ CẦN ĐẠT	GHI CHÚ
	Kĩ năng - Lấy được số đo chính xác và tính được lượng vải cần thiết cho từng sản phẩm. - Tính toán theo công thức, vẽ, cắt, may được một số sản phẩm đơn giản đúng quy trình, đạt yêu cầu kĩ thuật. Thái độ Yêu thích công việc cắt may, có thói quen làm việc cẩn thận, đúng quy trình.	

NẤU ĂN

CHỦ ĐỀ	MỨC ĐỘ CẦN ĐẠT	GHI CHÚ
1. Giới thiệu công việc nấu ăn	Kiến thức Biết được vai trò, vị trí của công việc nấu ăn trong xã hội; đặc điểm, triển vọng phát triển, yêu cầu của công việc đối với người lao động. Thái độ Yêu thích học nấu ăn.	
2. Dụng cụ, thiết bị nhà bếp và an toàn lao động	Kiến thức - Biết được đặc điểm, công dụng, cách sử dụng và bảo quản các dụng cụ, thiết bị nhà bếp. - Biết được cách sắp xếp các khu vực hoạt động trong nhà bếp và các dạng hình trang trí nhà bếp thông dụng.	Dạng hình trang trí nhà bếp như chữ I, L và U.

CHỦ ĐỀ	MỨC ĐỘ CẦN ĐẠT	GHI CHÚ
	- Biết được nguyên nhân gây tai nạn và biện pháp bảo đảm an toàn lao động trong nấu ăn. Kỹ năng Sử dụng và bảo quản hợp lí các dụng cụ, thiết bị nhà bếp. Thái độ Có thói quen thực hiện an toàn lao động trong nấu ăn.	
3. Kỹ thuật chế biến thực phẩm	Kiến thức Biết được nguyên tắc chung, quy trình thực hiện, yêu cầu kỹ thuật của các phương pháp chế biến món ăn không sử dụng nhiệt và có sử dụng nhiệt. Kỹ năng Chế biến được một số món ăn đãi tiệc đạt yêu cầu kỹ thuật.	- Trọng tâm là thực hành chế biến các món ăn cho bữa liên hoan và bữa tiệc. - Thực hiện ít nhất mỗi phương pháp một món ăn.
4. Tổ chức bữa liên hoan, bữa tiệc	Kiến thức - Biết được cách xây dựng thực đơn cho bữa liên hoan, bữa tiệc. - Hiểu được quy trình tổ chức thực hiện thực đơn. - Biết được cách bày bàn phù hợp với tính chất bữa ăn. Kỹ năng Xây dựng được thực đơn; tổ chức thực hiện thực đơn và bày bàn cho bữa liên hoan, bữa tiệc. Thái độ Có ý thức làm việc theo quy trình, tiết kiệm, đảm bảo vệ sinh an toàn thực phẩm.	Các công việc thực hiện thực đơn: - Lựa chọn thực phẩm; - Sơ chế; - Chế biến; - Trình bày món ăn.

CHỦ ĐỀ	MỨC ĐỘ CẦN ĐẠT	GHI CHÚ
1. Giới thiệu công việc đan len	Kiến thức Biết được ý nghĩa của công việc đối với đời sống và sản xuất; đặc điểm, triển vọng phát triển và yêu cầu của nghề đối với người lao động. Thái độ Yêu thích học công việc đan len.	
2. Vật liệu và dụng cụ đan len	Kiến thức - Biết được tính chất của các nguyên liệu đan. - Biết cách chọn, sử dụng và bảo quản các dụng cụ đan. Kĩ năng Chọn được nguyên liệu, kim đan phù hợp với sản phẩm.	
3. Kĩ thuật đan len cơ bản	Kiến thức - Biết được kí hiệu, tên gọi và cách đan các mũi đan cơ bản, mũi kiểu, thêm mũi, chiết mũi. - Biết được cách tính công thức đan sản phẩm đơn giản. Kĩ năng - Đọc được kí hiệu và đan được các mũi đan cơ bản và mũi kiểu. - Tính được công thức đan các sản phẩm đơn giản.	- Chỉ học đan các mũi kiểu được vận dụng vào sản phẩm. - Yêu cầu đan được <i>miếng mẫu</i> để tính công thức đan.
4. Quy trình đan sản phẩm	Kiến thức - Biết được cách chọn kim đan phù hợp với sợi len và kiểu đan phù hợp với sản phẩm.	Có thể chọn ít nhất hai trong số các sản phẩm sau: - Khăn quàng dài có tua;

CHỦ ĐỀ	MỨC ĐỘ CẦN ĐẠT	GHI CHÚ
	- Hiểu được kí hiệu kiểu đan, vị trí thêm mũi, chiết mũi và quy trình đan sản phẩm. Kĩ năng Đan được một số sản phẩm đơn giản. Thái độ Có thói quen làm việc theo quy trình và tiết kiệm nguyên liệu.	- Mũ bé gái, mũ bé trai có trang trí quả bông; - Giày trẻ sơ sinh, áo trẻ sơ sinh.

LÀM HOA, CẮM HOA

CHỦ ĐỀ	MỨC ĐỘ CẦN ĐẠT	GHI CHÚ
1. Giới thiệu công việc làm hoa, cắm hoa	Kiến thức Biết được ý nghĩa của công việc đối với đời sống và sản xuất; đặc điểm, triển vọng phát triển và yêu cầu của công việc đối với người lao động. Thái độ Yêu thích học công việc làm hoa, cắm hoa.	
2. Làm hoa Vật liệu, dụng cụ làm hoa	Kiến thức Biết được cách lựa chọn vật liệu, sử dụng dụng cụ làm hoa cơ bản. Kĩ năng Lựa chọn được vật liệu và sử dụng được dụng cụ phù hợp với sản phẩm.	Vật liệu làm hoa: - Giấy, vải, lụa,... - Dây thép, hồ dán,...

CHỦ ĐỀ	MỨC ĐỘ CẦN ĐẠT	GHI CHÚ
Một số kĩ thuật làm hoa cơ bản	Kiến thức Biết được một số kĩ thuật làm hoa cơ bản. Kĩ năng Thực hiện được một số kĩ thuật làm hoa cơ bản. Thái độ Làm việc cẩn thận, chính xác và đảm bảo an toàn.	Kĩ thuật làm hoa cơ bản: nhuộm, hồ, làm nhị, làm cánh hoa, quấn cành, ghép cành,...
Quy trình làm một số loại hoa	Kiến thức Hiểu được quy trình làm một số loại hoa thông dụng, đơn giản. Kĩ năng Làm được một số loại hoa đơn giản đúng quy trình, đạt yêu cầu kĩ thuật, mỹ thuật. Thái độ Có thói quen làm việc cẩn thận. Yêu thích công việc làm hoa.	Một số hoa thông dụng bằng giấy, vải: hoa đào, hoa mai, hoa cẩm chướng, hoa hồng,...
3. Cắm hoa Vật liệu, dụng cụ cắm hoa	Kiến thức Biết được cách lựa chọn, sử dụng một số dụng cụ, vật liệu cắm hoa thông dụng. Kĩ năng Lựa chọn được dụng cụ, vật liệu cắm hoa phù hợp với loại hoa và vị trí trang trí.	Một số dụng cụ cắm hoa: bình, bàn chông, dao, kéo, bình phun nước,...
Kĩ thuật cắm hoa cơ bản	Kiến thức - Biết được ý nghĩa màu sắc, biểu tượng của các loại hoa. - Biết được cách thực hiện một số kĩ thuật cắm hoa cơ bản.	Kĩ thuật cắm hoa cơ bản: cắt tỉa, uốn cành, cố định hoa,...

CHỦ ĐỀ	MỨC ĐỘ CẦN ĐẠT	GHI CHÚ
	Kỹ năng Thực hiện được một số kỹ thuật cắm hoa cơ bản.	
Quy trình cắm một số dạng hoa	Kiến thức Hiểu được quy trình và kỹ thuật cắm một số dạng cắm hoa trang trí. Kỹ năng Cắm được một số dạng cắm hoa theo quy trình, đạt yêu cầu thẩm mỹ. Thái độ Có thói quen sử dụng hoa, cây cảnh để trang trí nơi ở và học tập.	Một số dạng cắm hoa: - Theo phong cách phương Tây: tròn, tam giác, hình bán nguyệt; - Theo phong cách Á Đông: thẳng đứng, nghiêng trong bình cao và thấp; - Theo chủ đề: tình bạn, hạnh phúc gia đình,...

THÊU

CHỦ ĐỀ	MỨC ĐỘ CẦN ĐẠT	GHI CHÚ
1. Giới thiệu công việc thêu	Kiến thức Biết được vị trí, đặc điểm, yêu cầu công việc thêu trong sản xuất và đời sống. Thái độ Yêu thích học công việc thêu. Bước đầu có ý thức định hướng nghề nghiệp.	
2. Vật liệu, dụng cụ thêu	Kiến thức - Biết cách lựa chọn vật liệu thêu phù hợp với sản phẩm. - Biết cách sử dụng dụng cụ thêu đúng kỹ thuật.	

CHỦ ĐỀ	MỨC ĐỘ CẦN ĐẠT	GHI CHÚ
	Kĩ năng Sử dụng được các dụng cụ thêu và lựa chọn được vật liệu thêu phù hợp.	
3. Một số kĩ thuật thêu cơ bản	Kiến thức Biết được thao tác của một số kĩ thuật thêu cơ bản. Kĩ năng Thực hiện được một số kĩ thuật thêu cơ bản. Thái độ Làm việc kiên trì, tỉ mỉ.	Một số kĩ thuật thêu cơ bản: thêu lướt vặn, thêu bó, thêu sa hạt,...
4. Quy trình thêu sản phẩm	Kiến thức Hiểu được quy trình thêu một sản phẩm. Kĩ năng - Chọn được mẫu thêu, phương pháp thêu phù hợp với sản phẩm; - Thêu trang trí được một số sản phẩm đạt yêu cầu kĩ thuật và thẩm mỹ. Thái độ Làm việc tỉ mỉ, sáng tạo, đúng quy trình.	Chọn mẫu thêu để trang trí một số sản phẩm: khăn, gối, áo, váy,...

QUẢN MÁY BIẾN ÁP MỘT PHA

CHỦ ĐỀ	MỨC ĐỘ CẦN ĐẠT	GHI CHÚ
1. Giới thiệu công việc quản máy biến áp	Kiến thức Biết được đặc điểm, triển vọng phát triển, yêu cầu của công việc đối với người lao động.	

CHỦ ĐỀ	MỨC ĐỘ CẦN ĐẠT	GHI CHÚ
	Thái độ Yêu thích học công việc quần máy biến áp.	
2. An toàn lao động; thiết bị, dụng cụ và vật liệu	Kiến thức - Hiểu được những nguyên tắc an toàn lao động trong nghề. - Biết cách lựa chọn, sử dụng những thiết bị, dụng cụ, vật liệu cần thiết cho công việc. Kỹ năng Lựa chọn, sử dụng được những thiết bị, dụng cụ và vật liệu cần thiết cho công việc. Thái độ Thực hiện nghiêm túc các nguyên tắc an toàn trong lao động.	Nội dung an toàn lao động gồm an toàn điện và an toàn khi sử dụng các dụng cụ trong quá trình làm việc.
3. Quy trình và kỹ thuật quần máy biến áp một pha công suất nhỏ	Kiến thức - Biết được công dụng, cấu tạo, nguyên lý làm việc của máy biến áp một pha. - Hiểu được quy trình quần máy biến áp một pha. Kỹ năng Quần được máy biến áp một pha công suất nhỏ theo đúng quy trình và yêu cầu kỹ thuật. Thái độ Làm việc cẩn thận, đúng quy trình, đảm bảo an toàn lao động và giữ vệ sinh môi trường.	Quần máy biến áp theo các số liệu cho sẵn (không yêu cầu học sinh tính và thiết kế).

CHỦ ĐỀ	MỨC ĐỘ CẦN ĐẠT	GHI CHÚ
1. Giới thiệu công việc lắp đặt mạng điện trong nhà	Kiến thức Biết được đặc điểm, yêu cầu, triển vọng phát triển của công việc đối với người lao động. Thái độ Yêu thích học công việc lắp đặt mạng điện.	
2. An toàn lao động; thiết bị, dụng cụ và vật liệu	Kiến thức - Hiểu được những nguyên tắc an toàn lao động trong công việc. - Biết cách lựa chọn, sử dụng những thiết bị, dụng cụ, vật liệu cần thiết cho công việc. Kỹ năng Lựa chọn, sử dụng được những thiết bị, dụng cụ và vật liệu cần thiết cho công việc lắp đặt mạng điện trong nhà. Thái độ Thực hiện nghiêm túc các nguyên tắc an toàn lao động.	Nội dung an toàn lao động gồm an toàn điện, an toàn khi sử dụng các dụng cụ và quá trình làm việc.
3. Quy trình và kỹ thuật lắp đặt mạng điện	Kiến thức - Hiểu được quy trình lắp đặt mạng điện. - Biết cách kiểm tra an toàn điện mạng điện trong nhà. Kỹ năng - Sử dụng được một số dụng cụ lắp đặt điện đúng kỹ thuật. - Lắp đặt được một số mạch điện trong nhà đúng quy trình kỹ thuật.	Trọng tâm: một số mạch điện chiếu sáng đơn giản.

CHỦ ĐỀ	MỨC ĐỘ CẦN ĐẠT	GHI CHÚ
	Thái độ Làm việc cẩn thận, đúng quy trình, bảo đảm an toàn lao động và giữ vệ sinh môi trường.	

LẮP ĐẶT MẠCH ĐIỆN TRANG TRÍ, BÁO HIỆU

CHỦ ĐỀ	MỨC ĐỘ CẦN ĐẠT	GHI CHÚ
1. Giới thiệu công việc lắp đặt mạch điện trang trí, báo hiệu	Kiến thức Biết được đặc điểm, yêu cầu, triển vọng phát triển của công việc đối với người lao động. Thái độ Yêu thích học nghề điện.	
2. An toàn lao động; thiết bị, dụng cụ và vật liệu	Kiến thức - Hiểu được những nguyên tắc an toàn lao động trong công việc. - Biết cách lựa chọn, sử dụng thiết bị, dụng cụ, vật liệu cần thiết cho công việc. Kỹ năng Lựa chọn, sử dụng được những thiết bị, dụng cụ và vật liệu cần thiết cho công việc lắp đặt mạch điện trang trí, báo hiệu. Thái độ Thực hiện nghiêm túc các nguyên tắc an toàn lao động.	
3. Quy trình và kỹ thuật lắp đặt mạch điện trang trí, báo hiệu	Kiến thức - Hiểu được nguyên lý làm việc và vẽ được sơ đồ lắp đặt của một số mạch điện trang trí, báo hiệu đơn giản. - Hiểu được quy trình lắp đặt mạch điện.	

CHỦ ĐỀ	MỨC ĐỘ CẦN ĐẠT	GHI CHÚ
	Kỹ năng - Sử dụng được một số dụng cụ lắp đặt điện đúng kỹ thuật. - Lắp đặt được một số mạch điện trang trí, báo hiệu đơn giản. Thái độ Làm việc đúng quy trình, bảo đảm an toàn lao động và giữ vệ sinh môi trường.	

GÒ KIM LOẠI

CHỦ ĐỀ	MỨC ĐỘ CẦN ĐẠT	GHI CHÚ
1. Giới thiệu công việc gò kim loại	Kiến thức Biết được vai trò, vị trí của công việc gò trong xã hội; đặc điểm, yêu cầu của nghề đối với người lao động, triển vọng của nghề. Thái độ Yêu thích học công việc gò. Bước đầu có ý thức hướng nghiệp.	
2. An toàn lao động; thiết bị, dụng cụ và vật liệu	Kiến thức - Hiểu được các nguyên tắc an toàn lao động trong công việc gò kim loại. - Biết được chức năng và cách sử dụng các dụng cụ gò thường dùng. - Biết được đặc điểm, tính chất của các nguyên liệu, vật liệu gò thường dùng. Kỹ năng Sử dụng được các dụng cụ và vật liệu thường dùng để gò kim loại.	

CHỦ ĐỀ	MỨC ĐỘ CẦN ĐẠT	GHI CHÚ
	Thái độ Thực hiện nghiêm túc các biện pháp an toàn lao động.	
3. Bản vẽ khai triển và cắt phôi	Kiến thức - Hiểu được bản vẽ vật gò và bản vẽ khai triển. - Biết được cách cắt phôi vật gò theo bản vẽ. Kỹ năng - Đọc được bản vẽ vật gò và bản vẽ khai triển một số vật gò đơn giản. - Lựa chọn được vật liệu phù hợp và cắt được phôi vật gò theo bản vẽ.	
4. Quy trình và kỹ thuật gò	Kiến thức - Hiểu được kỹ thuật gò cơ bản. - Biết được quy trình gò một số vật dụng đơn giản. Kỹ năng Gò được một số vật dụng đơn giản.	- Thực hành gò viền mép, gò ghép mối. - Các vật dụng: ca uồng nước, cái xô,...
5. Hoàn thiện sản phẩm gò	Kiến thức - Hiểu được chức năng và cách sử dụng các dụng cụ thường dùng để hàn thiếc, tán đinh và dán kim loại. - Biết được các nguyên liệu, vật liệu thường dùng để hàn thiếc, tán đinh và dán kim loại. Kỹ năng Hàn, tán đinh, dán được sản phẩm gò. Thái độ chung cho công việc gò kim loại Làm việc cẩn thận, đúng quy trình, đảm bảo an toàn lao động và giữ vệ sinh môi trường.	